**KẾ HOẠCH DẠY HỌC**

**TUẦN** : 6 **Từ ngày** 9 / 10 **đến ngày 13** / 10 / 2023

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Thứ | Ngày | Môn | Số tiết chương trình | Tên bài dạy |
| **2** | SÁNG  9/10 | HĐTN | 16 | Tổng kết cuộc thi: Viết thư cho tương lai |
| TV | 36 | Bài đọc 3: Những hạt thóc giống |
| TV | 37 | Bài đọc 3: Những hạt thóc giống |
| T | 26 | Bài toán liên quan đến rút về đơn vị ( TT) |
| CHIỀU | GDTC | 11 | Ôn động tác đi đều một hàng dọc vòng bên trái |
| MT | 6 | Bài 3: Những vật liệu khác nhau ( TT) |
| TH | 6 |  |
| CN | 6 |  |
| **3** | SÁNG  10/10 | AV |  |  |
| AV |  |  |
| TV | 38 | Trả bài viết đơn |
| T | 27 | Luyện tập |
|  | TV | 39 | Nghe và Nói: Trao đổi : Như măng mọc thẳng |
| ĐD | 6 | Bài 3: Em nhận biết sự thông cảm, giúp đỡ |
|  | CHIỀU | KH | 11 | Bài 6: Vai trò của không khí và bảo vệ môi trường không khí |
| **4** | SÁNG  11/10 | TV | 40 | Bài đọc 4: Những chú bé giàu trí tưởng tượng |
| T | 28 | Góc nhọn, góc tù, góc bẹt |
| LS | 11 | Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hóa ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ |
| HĐTN | 17 | Niềm tự hào của em |
| **5** | SÁNG  12/10 | TV | 41 | Luyện tập về nhân hóa |
| T | 29 | Đơn vị đo góc. Độ ( 0 ) |
| ÂN | 6 | Ôn tập bài hát: Cò lả |
| KH | 12 | Bài 6: Vai trò của không khí và bảo vệ môi trường không khí |
|  |  | AV |  |  |
|  | CHIỀU | AV |  |  |
| **6** | SÁNG  13/10 | TV | 42 | Góc sáng tạo: Quan sát vườn cây |
| T | 30 | Đơn vị đo góc. Độ ( 0 ) |
| ĐL | 12 | Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hóa ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ ( TT ) |
| GDTC | 12 | Động tác đi đều nhiều hàng dọc vòng bên trái |
| HĐTN | 18 | Bức tường vinhh danh |
| TT GVCN | | | | |  |  | 93 | SHL: Khúc yêu thương |

**Trần Văn Thức Trương Thị Thảo**

Ngày soạn 6/09/2023

Ngày dạy thứ Hai ngày 9/10/2023

**HĐTN TIẾT 1: SINH HOẠT DƯỚI CỜ: TỔNG KẾT CUỘC THI VIẾT THƯ CHO TƯƠNG LAI**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

*Sau tuần học này, HS sẽ:*

* Giới thiệu được đặc điểm, những việc làm đáng tự hào của bản thân.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Năng lực giao tiếp, hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
* *Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

*Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề. ***Năng lực riêng:***

* Cùng chơi *Vòng quay tự hào*.
* Sáng tạo tác phẩm *Niềm tự hào của tôi.*

**3. Phẩm chất**

* *Tự tin, trách nhiệm:* tự tin thể hiện niềm tự hào của bản thân,có ý thức tự giác; tinh thần trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

**II. PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC**

**1. Phương pháp dạy học**

* Hoạt động nhóm, thực hành, trực quan.
* Nêu vấn đề và giải quyết vấn đề.

**2. Thiết bị dạy học**

**a. Đối với giáo viên**

* Giáo án, SGK, VBT Hoạt động trải nghiệm 4.
* Giấy, bút, bút màu,...
* Dụng cụ để thể hiện niềm tự hào của bản thân trên lớp.

**b. Đối với học sinh**

* SGK, VBT Hoạt động trải nghiệm 4.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **a. Mục tiêu:** Sau khi tham gia hoạt động, HS có khả năng:  - Chia sẻ bức thư tham gia cuộc thi *Viết thư cho tương lai* trước toàn trường hoặc chú ý lắng nghe, cổ vũ cho bạn đọc thư.  - Thể hiện sự tự tin, hứng thú khi tham gia cuộc thi *Viết thư cho tương lai.*  **b. Cách tiến hành**  - GV Tổng phụ trách Đội giới thiệu nội dung tổng kết cuộc thi *Viết thư cho tương lai* gồm nội dung chính sau:    + Tổng kết số lượng HS tham gia cuộc thi, nhận xét chất lượng bức thư và khen ngợi các tập thể xuất sắc đã có nhiều bức thư tham gia đạt chất lượng tốt.  + GV mời đại diện 2 – 4 HS  chia sẻ bức thư trước toàn trường.  +  GV mời một số HS bày tỏ cảm xúc sau khi tham gia cuộc thi.  **\* CỦNG CỐ**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* DẶN DÒ**  - GV nhắc nhở HS:  + Ôn lại các kiến thức đã học hôm nay. | - HS lắng  nghe.    - HS lắng nghe.    - HS đọc bài trước toàn trường. HS khác lắng nghe.  -  HS bày tỏ cảm xúc của bản thân. |

**IVĐiều chỉnh sau tiết dạy:**

.........................................................................................................................................

....................................................................................................................................................................................................................................................................................

     -----------------------------------------------------------

**TIẾNG VIỆT : ĐỌC 3: NHỮNG HẠT THÓC GIỐNG**

***(2 tiết)***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

Sau bài học này, HS sẽ:

* Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh mà HS địa phương dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng theo các dấu câu và theo nghĩa. Tốc độ đọc khoảng 75 – 80 tiếng/ phút. Đọc thầm nhanh hơn lớp 3.
* Hiểu nghĩa của các từ ngữ khó trong bài. Trả lời được các câu hỏi về nội dung bài. Hiểu ý nghĩa của bài: Qua câu chuyện về chú bé Chôm, câu chuyện ca ngợi đức tính trung thực và dũng cảm, xem đó là những đức tính quý nhất của con người; các bạn nhỏ rất cần rèn luyện để có được lòng trung thực và tinh thần dũng cảm.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Năng lực giao tiếp, hợp tác:* Biết cùng các bạn thảo luận nhóm.
* *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.
* *Năng lực tự chủ và tự học:* Trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu.

***Năng lực văn học:***

* Hiểu những chi tiết bất ngờ trong bài, biết chia sẻ suy nghĩ với mọi người.
* Thể hiện giọng đọc phù hợp với tính cách của nhân vật và diễn biến của câu chuyện.

**3. Phẩm chất**

* Bồi dưỡng phẩm chất trung thực, dũng cảm.

**II. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC**

**1. Phương pháp dạy học**

* Thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, trò chơi học tập.

**2. Hình thức tổ chức dạy học**

* Hoạt động độc lập, hoạt động nhóm, hoạt động lớp.

**III. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**a. Đối với giáo viên**

* Giáo án, SGK, SGV, SBT *Tiếng Việt 4*, tập một.
* Tranh minh hoạ bài đọc trong SGK.
* Giấy A0 (4 tờ), giấy A4 (20 tờ).
* Máy tính, máy chiếu.

**b. Đối với học sinh**

* SGK, VBT *Tiếng Việt 4*, tập một.

**IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho HS từng bước làm quen với bài học.  **b. Cách tiến hành**  ***\* Kiểm tra bài cũ***  - GV mời đại diện 1 - 2 HS nhắc lại ý nghĩa bài đọc *Một người chính trực*.  - GV nhận xét, đánh giá, khích lệ HS.  ***\* Giới thiệu bài***  - GV giao nhiệm vụ: HS đọc tên bài và quan sát bức tranh minh họa trong bài.    - GV giới thiệu bài*: Trong bức tranh, các em thấy một chú bé đang quỳ trước mặt nhà vua. Nhà vua đưa tay cho chú bé, dáng vẻ trìu mến. Bên ngoài cung điện có rất nhiều bao tải và thúng thóc, lại có cả những chú voi chở đầy những bao tải thóc đang đứng chờ. Ông vua và chú bé đang nói chuyện gì? Các em hãy đọc bài “Những hạt thóc giống” để tìm hiểu diễn biến câu chuyện nhé!*  - GV ghi tên bài học: ***Đọc 3 – Những hạt thóc giống.***  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Đọc thành tiếng**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - Lắng nghe GV đọc mẫu, hướng dẫn đọc, luyện cách ngắt nghỉ.  - Đọc được bài đọc trong nhóm và trước lớp.  **b. Cách tiến hành**  - GV đọc mẫu cho HS nghe: *Giọng thong thả, rõ ràng, sinh động. Nhấn giọng ở những từ ngữ mới hoặc khó đối với HS. Giọng đọc chậm rãi ở câu cuối.*  - GV hướng dẫn HS luyện đọc cách ngắt giọng một số câu cho đúng ngữ pháp – ngữ nghĩa, lưu ý cách nâng giọng, hạ giọng cho phù hợp với các câu đối thoại trong bài.  - GV cho HS luyện đọc cá nhân toàn bài.  - GV mời đại diện 1 – 2 HS khá, giỏi đọc toàn bài. Các HS khác lắng nghe, nhận xét.  - GV nhận xét, đánh giá và khích lệ HS.  **Hoạt động 2: Đọc hiểu**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - Giải nghĩa được một số từ khó.  - Đọc thầm lại bài đọc và trả lời các câu hỏi liên quan đến bài đọc.  - Nắm được nội dung, ý nghĩa của bài đọc.  **b. Cách tiến hành**  - GV mời đại diện 1 HS đọc to, rõ nghĩa các từ: *bệ hạ, sững sờ, dõng dạc, hiền mình* trong SGK tr.42. Các HS khác lắng nghe, theo dõi.  - GV mời 5 HS tiếp nối nhau đọc to, rõ 5 câu hỏi trong SGK. Cả lớp đọc thầm theo.  *(1) Nhà vua tìm người nối ngôi bằng cách nào?*  *(2) Vì sao đến vụ thu hoạch, cậu bé Chôm không nộp được thóc cho nhà vua?*  *(3) Vì sao mọi người đều sững sờ khi nghe Chôm nói?*  *(4) Nhà vua xử sự thế nào khi nghe Chôm nói?*  *(5) Em có tán thành ý kiến “Trung thực là đức tính quý nhất của con người.” không? Vì sao?*  - GV yêu cầu HS đọc thầm bài đọc một lượt.  - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi theo các câu hỏi tìm hiểu bài.  - GV mời đại diện 1 – 2 nhóm HS trả lời câu hỏi 1. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).    + GV nhận xét, đánh giá và kết luận.  - GV mời đại diện 1 – 2 nhóm HS trả lời câu hỏi 2. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  + GV nhận xét, đánh giá và kết luận.  - GV mời đại diện 1 – 2 nhóm HS trả lời câu hỏi 3. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).    + GV nhận xét, đánh giá và kết luận.  - GV mời đại diện 1 – 2 nhóm HS trả lời câu hỏi 4. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).      + GV nhận xét, đánh giá và kết luận.  - GV mời đại diện 1 – 2 nhóm HS trả lời câu hỏi 5. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).    - GV hỏi thêm: *Em có suy nghĩ gì về vị vua trong bài đọc?*    + GV nhận xét, đánh giá và kết luận.  - GV rút ra ý nghĩa của bài đọc cho HS: *Câu chuyện ca ngợi đức tính trung thực và dũng cảm, xem đó là những đức tính quý nhất của con người; các bạn nhỏ rất cần rèn luyện để có được lòng trung thực và tinh thần dũng cảm.*  **Hoạt động 3: Đọc nâng cao**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - Nhắc lại ý nghĩa của bài đọc.  - Đọc diễn cảm với hình thức đọc cá nhân.  - Biết cách thay đổi giọng đọc cho phù hợp với tình tiết chuyện.  **b. Cách tiến hành**  - GV mời đại diện 1 – 2 HS nhắc lại ý nghĩa của bài đọc. Các HS khác lắng nghe, nhận xét.  - GV tổ chức cho HS đọc diễn cảm với hình thức đọc cá nhân, chú ý cách nghỉ hơi ở những câu dài, nhấn mạnh các từ ngữ quan trọng. VD  *+ Vua ra lệnh/ phát cho mỗi người dân một thúng thóc về gieo trồng/ và giao hẹn:/ Ai thu được* ***nhiều thóc nhất*** *sẽ được truyền ngôi,/ ai* ***không có thóc nộp*** *sẽ bị trừng phạt.*  *+ Có một lần chú bé mồ côi tên là Chôm nhận thóc về,/* ***dốc công*** *chăm sóc/ mà thóc vẫn* ***chẳng nảy mầm****.*  *+ Đến vụ thu hoạch,/ mọi người* ***nô nức*** *chở thóc về kinh thành/ nộp cho nhà vua.*  - GV tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá, thảo luận về giọng đọc, cách đọc diễn cảm.  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động.  **\* CỦNG CỐ**  - GV tổ chức cho HS tự nhận xét, đánh giá về tiết học; nói về những điều thu được sau bài học, những điều mong muốn biết thêm.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* DẶN DÒ**  - GV nhắc nhở HS:  + Tìm đọc thêm một số câu chuyện có chủ điểm *Như măng mọc thẳng.*  + Chuẩn bị cho bài trao đổi: *Như măng mọc thẳng.* | - HS nhắc lại ý nghĩa bài đọc: *Ca ngợi tính cách chính trực, luôn vì dân vì nước của Tô Hiến Thành.*  - HS lắng nghe.  - HS thực hiện.    - HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài học mới.    - HS nghe và đọc thầm theo.  - HS luyện đọc theo hướng dẫn của GV.  - HS luyện đọc.  - HS đọc bài.  - HS lắng nghe, tiếp thu.    - HS đọc nghĩa của các từ.  - HS đọc câu hỏi.    - HS đọc thầm.  - HS thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi.  - HS trả lời câu hỏi 1:  *Nhà vua tìm người nối ngôi bằng cách ra lệnh phát cho mỗi người dân một thúng thóc về gieo trồng và giao hẹn: Ai thu được nhiều thóc nhất sẽ được truyền ngôi, ai không có thóc nộp sẽ bị trừng phạt.*  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS trả lời câu hỏi 2:  *Vì cậu bé dốc công chăm sóc mà thóc vẫn chẳng nảy mầm.*  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS trả lời câu hỏi 3:  *Vì mọi người không dám nói ra sự thật; khi thấy Chôm nói thật, mọi người lo lắng, sợ Chôm bị nhà vua trừng phạt.*  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS trả lời câu hỏi 4:  *Nhà vua đỡ Chôm dậy, nói cho mọi người biết sự thật là ông đã cho luộc kĩ thóc rồi nên thóc không thể nảy mầm được. Vua khen ngợi Chôm là người trung thực, dũng cảm; quyết định truyền ngôi cho Chôm.*  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS trả lời câu hỏi 5 theo suy nghĩ cá nhân. VD:  *Em tán thành, vì người trung thực luôn luôn được tín nhiệm và làm nhiều việc tốt.*  - HS trả lời: *Đó là một vị vua rất hiền minh, sáng suốt. Ông đề cao đức tính trung thực và dũng cảm. Ông đã dạy cho rất nhiều người dân của ông bài học về lòng trung thực.*  - HS lắng nghe, tiếp thu.    - HS trả lời.  - HS đọc diễn cảm.    - HS lắng nghe, thực hiện.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe, thực hiện.  - HS lắng nghe, tiếp thu.    - HS lắng nghe, thực hiện. |

**VĐiều chỉnh sau tiết dạy:**

.........................................................................................................................................

....................................................................................................................................................................................................................................................................................

     -----------------------------------------------------------

TOÁN :

**Bài 17: BÀI TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN RÚT VỀ ĐƠN VỊ (TIẾT 2)**

***I YÊU CẦU CẦN ĐẠT:***

***1. Năng lực đặc thù:***

- *Năng lực tư duy và lập luận toán học:* Củng cố cách giải các bài toán liên quan rút về đơn vị dạng 1, nắm được cách giải các bài toán liên quan rút về đơn vị dạng 2 và vận dụng giải quyết một số vấn đề thực tiễn đơn giản.

- *Năng lực mô hình hóa toán học:* Hình thành và ghi nhớ các bước giải bài toán liên quan đến rút về đơn vị dạng 2.

*- Năng lực giải quyết vấn đề toán học:* Nhận biết thành thạo dạng toán và giải đúng các bài toán cụ thể.

***2. Năng lực chung:***

*- Tự chủ và tự học:* Học sinh tích cực, chủ động suy nghĩ để giải các bài tập.

*- Giao tiếp và hợp tác:* Trao đổi, thảo luận với bạn bè về các cách giải toán liên quan đến rút về đơn vị..

*- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Đề xuất được các cách giải khác nhau đối với bài toán liên quan đến rút về đơn vị trong thực tế cuộc sống.

***3. Phẩm chất:***

Hình thành sự chăm chỉ, trung thực và ý thức trách nhiệm đối với bản thân và tập thể. Nhân ái: Biết giúp đỡ bạn khi bạn gặp khó khăn trong học tập.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

Bảng con (HS)

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV*** | ***Hoạt động của HS*** |
| ***1. Hoạt động mở đầu: Trò chơi “Hãy chọn giá đúng”***: 3 phút  *\* Mục tiêu:* Củng cố cách giải bài toán liên quan đến rút về đơn vị bằng 1 phép tính chia và 1 phép tính nhân. Tạo không khí vui vẻ, hào hứng.  *\* Cách tiến hành:* | |
| - GV nêu bài toán:  Hoa mua 5 quyển vở hết 45 000 đồng. Lan mua 7 quyển vở cùng loại phải trả số tiền là:  A. 9 000 đồng       B. 225 000 đồng  C. 63 000 đông     D. 52 000 đồng  - GV chốt kết quả đúng.  H: Em hãy nêu các bước giải bài toán rút về đơn vị đã học?    *- Tiết học trước các con đã tìm hiểu các bước giải dạng số 1 của bải toán liên quan đến rút về đơn vị. Tiết học này chúng mình cùng tìm hiểu tiếp các bước giải dạng số 2 của bải toán liên quan đến rút về đơn vị nhé. Dạng 2 có gì khác so với dạng 1 và phải làm như thế nào? Cô trò mình cùng khám phá qua bài toán sau:* | - HS suy nghĩ, tính rồi ghi đáp án của mình vào bảng con – thời gian 1 phút.  - Đáp án đúng: C.  - 1 HS giải thích cách làm.    - 2 bước:  + Bước 1: tìm giá trị một phần trong các phần bằng nhau (rút về đơn vị - thực hiện phép chia).  + Bước 2: tìm giá trị nhiều phần bằng nhau (thực hiện phép nhân). |
| ***2. Hoạt động hình thành kiến thức mới***  \* *Mục tiêu:* HS nắm được cách giải các bài toán liên quan rút về đơn vị dạng 2 .  \* *Cách tiến hành*: | |
| - GV nêu bài toán: Người ta đóng gói 12kg hạt sen vào 3 túi như nhau. Hỏi 20kg hạt sen thì đóng được bao nhiêu túi như thế?  H: Bài toán cho biết gì?  H: Bài toán hỏi gì?  H: Theo em, để tính được 20kg hạt sen đóng được bao nhiêu túi trước hết chúng ta phải biết được gì?  H: Tìm được số kg hạt sen đóng vào mỗi túi ntn?  H: 4kg hạt sen đóng vào 1 túi, vậy có 20kg hạt sen đóng được bao nhiêu túi ta làm thế nào?  - Gọi 1 HS lên bảng giải bài toán, lớp giải vào vở  - GV nhận xét, chốt bài giải đúng.  H: Trong bài toán trên, bước nào là bước rút về đơn vị?  - GV chốt cách giải bài toán liên quan rút về đơn vị - dạng toán 2  *+ Bước 1:* Rút về đơn vị (tìm giá trị một phần trong các phần bằng nhau – thực hiện phép chia).  *+ Bước 2:* Tìm số phần của một giá trị (thực hiện phép chia).  *- Bây giờ, để khắc sâu các bước giải dạng toán này, cô trò mình cùng chuyển sang phần thực hành giải các bài toán nhé*. | - 1 HS đọc đề bài, lớp đọc thầm    - HS trả lời, tóm tắt bài toán    12kg hạt sen : 3 túi    20kg hạt sen : ... túi?  - Tìm được số kg hạt sen đóng vào mỗi túi.  - Thực hiện phép chia 12 : 3 = 4 (kg)  - Lấy số kg hạt sen (20) chia cho số kg hạt sen đóng vào mỗi túi (4) 20 : 4 = 5 (túi)  - HS giải bài (như SGK)  - Bước tìm  số kg hạt sen đóng vào mỗi túi là bước rút về đơn vị.  - HS nối tiếp nhắc lại |
| ***3. Hoạt động luyện tập thực hành***  *\* Mục tiêu:* vận dụng các bước giải bài toán liên quan đến rút về đơn vị dạng 2 để giải toán  *\* Cách tiến hành:* | |
| Bài 2a) Rót hết 35 *l* sữa vào đầy 7 can giống nhau. Hỏi để rót hết 40 *l* sữa cần bao nhiêu can như thế?  H: Bài toán cho biết gì?  H: Bài toán hỏi gì?  H: Theo em, để rót hết 40 *l* sữa cần bao nhiêu can trước hết chúng ta phải biết được gì?  H: Tìm được số lít sữa rót vào mỗi can ntn?  H: 5 *l* sữa rót vào 1 can, vậy để rót hết 40 *l* sữa cần bao nhiêu can ta làm thế nào?  - Gọi 1 HS lên bảng giải bài toán, lớp giải vào vở  - GV nhận xét, chốt bài giải đúng.    H: Bài toán trên thuộc dạng toán nào?  H: Bước nào là bước rút về đơn vị?  H: Muốn tìm số can dầu ta thực hiện phép tính gì?  Bài 2b) Người ta đóng 24 viên thuốc vào 4 vỉ đều nhau. Hỏi 6 672 viên thuốc thì đóng được vào bao nhiêu vỉ như thế?  (Các bước tiến hành tương tự bài 2a) | - HS đọc đề bài, nêu bài toán cho biết gì, tìm gì, rồi tóm tắt bài toán.  35 *l* sữa : 7 can  40 *l* sữa : ... can?  - Tìm được số lít sữa rót vào mỗi can.  - Thực hiện phép chia 35 : 7 = 5 (*l*)  - Lấy số lít sữa (40) chia cho số lít sữa rót vào mỗi can (5) 40 : 5 = 8 (can)                Bài giải  Số lít sữa rót vào mỗi can  là:          35 : 7 = 5 (*l*)  Số can cần để rót hết 40 *l* sữa là:          40 : 5 = 8 (can)                 Đáp số: 8 can  - Rút về đơn vị - dạng 2  - Tìm số lít sữa rót vào mỗi can là bước rút về đơn vị.  - Thực hiện phép chia số lít dầu cho số lít dầu rót vào mỗi can  - (HS thực hiện tương tự bài 2a)  Tóm tắt:  24 viên thuốc : 4 vỉ  6 672 viên thuốc : ... vỉ?  Bài giải  Số viên thuốc đóng vào mỗi vỉ là:           24 : 4 = 6 (viên thuốc)  Số vỉ thuốc để đóng hết 6 672 viên thuốc là:          6 672 : 6 = 1 112 (vỉ thuốc)                        Đáp số: 1 112 vỉ thuốc |
| ***4. Hoạt động vận dụng***  *\* Mục tiêu:* Vận dụng kiến thức giải toán liên quan đến rút về đơn vị trong các tình huống thực tế.  *\* Cách tiến hành:* | |
| - GV nêu bài toán:  **Bài 3.** Nhân dịp đầu năm học mới, một nhà sách có chương trình khuyến mãi như sau: “ Cứ mua 5 quyển sách được tặng 10 chiếc nhãn vở”  a) Hỏi mua 20 quyển sách được tặng bao nhiêu nhãn vở?  b) Theo em, chị Huệ mua 23 quyển sách thì được tặng bao nhiêu chiếc nhãn vở?  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 làm bài.  H: Bài toán trên thuộc dạng toán nào?  H: Bước nào là bước rút về đơn vị?  H: Các bước giải bài toán liên quan đến rút về đơn vị dạng 1 và dạng 2 có gì giống và khác nhau?    - Dặn HS về nhà tự tìm các tình huống thực tế liên quan đến bài toán rút về đơn vị rồi tự thực hiện giải. | - HS đọc đề bài, thảo luận nhóm 4 tìm câu trả lời cho bài toán.  - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả, giải thích cách làm.  a) Mua 1 quyển sách được tặng số nhãn vở là :             10 : 5 = 2 (chiếc)      Mua 20 quyển sách được tặng số nhãn vở là :              2 x 20 = 40 (chiếc)  b) Chị Huệ mua 23 quyển sách được tặng số nhãn vở là :              2 x 23 = 46 (chiếc)  - Rút về đơn vị dạng 1  - Tìm số nhãn vở được tặng khi mua 1 quyển sách  - Giống nhau bước 1: Rút về đơn vị (tìm giá trị một phần trong các phần bằng nhau – thực hiện phép chia).  + Khác nhau bước 2.  Dạng 1: Bước 2 tìm giá trị nhiều phần bằng nhau (thực hiện phép nhân).  Dạng 2: Bước 2 Tìm số phần của một giá trị (thực hiện phép chia).  - Lắng nghe, ghi nhớ và thực hiện |

IV **Điều chỉnh sau tiết dạy:**

.........................................................................................................................................

....................................................................................................................................................................................................................................................................................

------------------------------------------------------

GDTC: ( GV CHUYÊN DẠY )

------------------------------------------------------

MĨ THUẬT: ( GV CHUYÊN DẠY )

------------------------------------------------------

TIN HỌC: ( GV CHUYÊN DẠY )

------------------------------------------------------

CÔNG NGHỆ: ( GV CHUYÊN DẠY )

-------------------------------------------------------------------------------------

Ngày soạn 7/10/2023

Ngày dạy Thứ Ba ngày 10/ 10/2023

ANH VĂN : ( GV CHUYÊN DẠY )

------------------------------------------------------

ANH VĂN: ( GV CHUYÊN DẠY )

------------------------------------------------------

TIẾNG VIỆT:

**BÀI VIẾT 3: TRẢ BÀI VIẾT ĐƠN**

***(1 tiết)***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

Sau bài học này, HS sẽ:

* Dựa vào nhận xét và hướng dẫn của GV, nhận biết được ưu điểm và nhược điểm trong bài viết của bản thân, tự sửa được các lỗi về cấu tạo và nội dung của đơn, về chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Năng lực giao tiếp, hợp tác:* Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Xem xét việc sử dụng các từ ngữ, cách diễn đạt.
* *Năng lực tự chủ và tự học:* Phát hiện lỗi, chữa bài, viết lại đoạn văn trong bài.

***Năng lực văn học:***

* Biết viết các câu văn rõ ràng, rành mạch, diễn đạt chính xác và đầy đủ thông tin.

**3. Phẩm chất**

* Bồi dưỡng phẩm chất trách nhiệm (trong nhận xét, phát hiện lỗi, chữa bài).

**II. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC**

**1. Phương pháp dạy học**

* Đàm thoại, dạy học thông qua hệ thống BT.

**2. Hình thức tổ chức dạy học**

* Hoạt động độc lập, hoạt động nhóm, hoạt động lớp.

**III. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**a. Đối với giáo viên**

* Giáo án, SGK, SGV, SBT *Tiếng Việt 4*, tập một.
* Bài giảng trình chiếu.
* Máy tính, máy chiếu.

**b. Đối với học sinh**

* SGK, VBT *Tiếng Việt 4*, tập một.
* Vở viết.
* Vở viết.

**IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho HS từng bước làm quen với bài học.  **b. Cách tiến hành**  ***\* Giới thiệu bài***  - GV nêu yêu cầu cần đạt của bài.  - GV ghi tên bài học: ***Trả bài viết đơn.***  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Nghe nhận xét chung về bài viết của cả lớp**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS nghe GV nhận xét chung về bài viết của cả lớp.  **b. Cách tiến hành**  - GV nhận xét chung về bài viết của cả lớp:  + Ưu điểm, nhược điểm chung của cả lớp.  + Những lỗi điển hình về bố cục, nội dung, cách dùng từ, đặt câu, chính tả.  + Tuyên dương những HS có bài viết hay, có tiến bộ nổi bật về bài viết.  + Chọn đọc đơn viết tốt trước lớp.  **Hoạt động 2: Tham gia sửa bài cùng cả lớp**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS sửa một số lỗi trong bài làm của mình.  **b. Cách tiến hành**  - GV tổ chức cho HS sửa một số lỗi điển hình (về cấu tạo, nội dung, cách dùng từ, đặt câu, chính tả,…) của lớp bằng cách xây dựng các BT chữa lỗi với ngữ liệu từ bài viết của HS.  - GV nhận xét, nêu đáp án đúng hoặc đáp án phù hợp nhất.  **Hoạt động 3: Tự sửa bài**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS hoàn chỉnh bài viết của mình.  **b. Cách tiến hành**  - GV hướng dẫn HS tự sửa bài viết của mình:  + Đọc kĩ nhận xét của GV về bài viết của mình.  + Tự sửa các lỗi về dùng từ, đặt câu, chính tả,… trong bài.  + Lựa chọn, viết lại một phần của lá đơn.  **Hoạt động 4: Đổi bài cho bạn để kiểm tra việc sửa lỗi**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS đổi bài cho bạn để kiểm tra việc sửa lỗi.  **b. Cách tiến hành**  - GV cho HS làm việc nhóm đôi: đổi bài viết (đã sửa), góp ý để bạn hoàn thiện bài viết.  - GV mời 1 – 2 HS báo cáo kết quả sửa bài. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến (nếu có).  - GV nhận xét, bổ sung để HS tiếp tục hoàn thiện bài viết (nếu cần).  **\* CỦNG CỐ**  - GV yêu cầu HS tự nhận xét về tiết học, về kết quả thực hành của mình và các bạn.  - GV nhận xét về tinh thần, thái độ học tập của lớp, khen ngợi và động viên HS.  **\* DẶN DÒ**  - GV nhắc nhở HS:  + Tìm đọc thêm một số câu chuyện liên quan đến chủ điểm *Như măng mọc thẳng.* | - HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài học mới.    - HS lắng nghe.    - HS tham gia sửa lỗi.  - HS lắng nghe, tiếp thu.    - HS lắng nghe, thực hiện.    - HS hoạt động nhóm đôi.  - HS báo cáo kết quả.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, thực hiện.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, thực hiện. |

**VĐiều chỉnh sau tiết dạy:**

.........................................................................................................................................

....................................................................................................................................................................................................................................................................................

     -----------------------------------------------------------

TOÁN: **Bài 18: LUYỆN TẬP (1 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

***1. Năng lực đặc thù:***

- *Năng lực tư duy và lập luận toán học:* Củng cố cách giải các bài toán liên quan rút về đơn vị và vận dụng giải quyết một số vấn đề thực tiễn đơn giản..

*- Năng lực giải quyết vấn đề toán học:* Nhận biết và giải thành thạo 2 dạng của bài toán liên quan đến rút về đơn vị.

***2. Năng lực chung:***

*- Tự chủ và tự học:* Học sinh tích cực, chủ động suy nghĩ để giải các bài tập.

*- Giao tiếp và hợp tác:* Trao đổi, thảo luận với bạn bè về các cách giải toán liên quan đến rút về đơn vị qua các bài tập và tình huống thực tế

*- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Đề xuất được các cách giải khác nhau đối với bài toán liên quan đến rút về đơn vị trong thực tế cuộc sống.

***3. Phẩm chất:*** Hình thành sự chăm chỉ, trung thực và ý thức trách nhiệm đối với bản thân và tập thể. Nhân ái: Biết giúp đỡ bạn khi bạn gặp khó khăn trong học tập

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

 3 bảng nhóm, Bảng con(HS)

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV*** | ***Hoạt động của HS*** |
| ***1. Hoạt động mở đầu: Trò chơi “Nhanh như chớp”***: 3 phút  *\* Mục tiêu:* Củng cố cách giải bài toán liên quan đến rút về đơn vị. Tạo không khí vui vẻ, hào hứng cho tiết học.  *\* Cách tiến hành:* | |
| - GV nêu bài toán:  1/ Có 72 kg gạo đựng đều trong 8 bao. Hỏi có 54 kg gạo đựng đều trong bao nhiêu bao như thế?       A. 6 bao              B. 9 bao       C. 486 bao          D. 6 bao dư 6kg  2/ Có 8 bao gạo đựng tất cả 448 kg gạo. Hỏi có 5 bao gạo như thế nặng bao nhiêu kg?       A. 56kg              B. 280kg       C. 89kg              D. 285kg  - GV chốt kết quả đúng.  H: 2 bài toán thuộc dạng toán nào?  H: Em hãy nêu các bước giải của mỗi bài toán trên?    *- Hai tiết học trước các con đã tìm hiểu các bước giải 2 dạng bài của bải toán liên quan đến rút về đơn vị. Tiết học này chúng mình luyện tập để nắm thật chắc các bước giải bải toán liên quan đến rút về đơn vị nhé.* | - HS suy nghĩ, tính rồi ghi đáp án của mình vào bảng con – thời gian 1 phút/ bài.  - 1 HS giải thích cách làm.             1/ A. 6 bao           2/ B. 280kg    - Bài 1 là bài toán có liên quan đến rút về đơn vị dạng 2. Bài 2 là bài toán có liên quan đến rút về đơn vị dạng 1  \* Bài 1:  + Bước 1: tìm giá trị một phần trong các phần bằng nhau (rút về đơn vị - thực hiện phép chia).  + Bước 2: Tìm số phần của một giá trị (thực hiện phép chia).  \*Bài 2:  + Bước 1: Tìm giá trị một phần trong các phần bằng nhau (rút về đơn vị - thực hiện phép chia).  + Bước 2: Tìm giá trị nhiều phần bằng nhau (thực hiện phép nhân). |
| ***2. Hoạt động luyện tập thực hành***  *\* Mục tiêu:* vận dụng các bước giải bài toán liên quan đến rút về đơn vị dạng 2 để giải toán  *\* Cách tiến hành:* | |
| - GV yêu cầu 3 học sinh nối tiếp đọc yêu cầu bài tập 1, 2, 3 – SGK trang 43; cả lớp đọc thầm theo bạn.  - Sử dụng kĩ thuật mảnh ghép, chia nhóm như sau:  **Vòng 1:** ***Nhóm chuyên gia*** – 3 nhóm (3 tổ). Mỗi nhóm thực hiện yêu cầu 1 bài tập, chia thành từng nhóm nhỏ 3HS- điểm danh 1-2-3, mỗi HS trong nhóm đọc lại đề bài, nêu cho bạn nghe bài toán cho biết gì, tìm gì, rồi tóm tắt và giải bài toán.  **Vòng 2**: ***Nhóm mảnh ghép.***  + Cứ 3 em số 1 thành 1 nhóm, 3 em số 2 thành một nhóm; 3 em số 3 thành 1 nhóm theo khu vực hợp lí.  + Nối tiếp mỗi em ở nhóm chuyên gia bài nào thì hướng dẫn lại cho 2 em trong nhóm mới để các bạn nắm được nội dung bài đó.  - GV yêu cầu đại diện 3 nhóm mảnh ghép lần lượt trình bày kết quả thảo luận của nhóm, ví dụ: Chuyên gia bài 1 trình bày bài 2, chuyên gia bài 2 trình bày bài 3, chuyên gia bài 3 trình bày bài 1.  - GV yêu cầu HS cả lớp nhận xét, chỉ ra bước rút về đơn  vị, chốt kết quả đúng.    - Yêu cầu HS nêu lại bước giải của mỗi dạng bài toán liên quan đến rút về đơn vị. | - HS làm việc nhóm Chuyên gia theo yêu cầu của GV, thời gian 5 phút.  + Nhóm 1-tổ 1: Bài 1  + Nhóm 2-tổ 2: Bài 2  + Nhóm 3-tổ 3: Bài 3  - HS làm việc nhóm Mảnh ghép theo yêu cầu của GV, thời gian 5 phút.  - Đại diện 3 nhóm Mảnh ghép lên bảng trình bày kết quả, các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung, chốt kết quả đúng:  **Bài 1.** Tóm tắt:  6 con rô bốt: 54 mảnh ghép lego  4 con rô bốt: ... mảnh ghép lego?               Bài giải  Số mảnh ghép cần để lắp mỗi con rô bốt là:       54 : 6 = 9 (mảnh ghép)  Số mảnh ghép cần để lắp 4 con rô bốt là:       9 × 4 = 36 (mảnh ghép)                  Đáp số: 36 mảnh ghép  \* Bài toán liên quan đến rút về đơn vị dạng 1.  **Bài 2.** Tóm tắt:  18 quả bóng bàn: 3 hộp  42 quả bóng bàn: .... hộp?               Bài giải  Số quả bóng bàn đựng vào mỗi hộp là:       18 : 3 = 6 (quả bóng)  Số hộp cần để đựng 42 quả bóng bàn là:       42 : 6 = 7 (hộp)                  Đáp số: 7 hộp  \* Bài toán liên quan đến rút về đơn vị dạng 2.  **Bài 3.** Tóm tắt:  20kg hạt cà phê tươi: 5kg hạt cà phê khô  420kg hạt cà phê tươi: ...kg hạt cà phê khô?               Bài giải  Số ki-lô-gam hạt cà phê tươi để có 1kg hạt cà phê khô là:       20 : 5 = 4 (kg)  Khi phơi khô 420kg hạt cà phê tươi thì thu được số  ki-lô-gam hạt cà phê khô là:       420 : 4 = 105 (kg)                  Đáp số: 105kg  \* Bài toán liên quan đến rút về đơn vị dạng 2.  - HS nêu. |
| ***3. Hoạt động vận dụng***  *\* Mục tiêu:* Tìm được các tình huống thực tế liên quan đến dạng toán rút về đơn vị và chia sẻ với các bạn.  *\* Cách tiến hành:* | |
| - GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập 4.  - YC HS nối tiếp nêu các tình huống thực tế liên quan đến dạng bài toán rút về đơn vị, gọi một bạn bất kì ở tổ khác thực hiện bài toán. Mỗi tổ có tình huống hợp lí hoặc thực hiện đúng bài toán nhóm bạn yêu cầu sẽ được tặng 1 cờ thi đua.  **\* Củng cố-dặn dò:**  H: Qua bài học hôm nay em biết thêm điều gì?  H: Để có thể làm tốt các bài tập trên, em nhắn bạn điều gì?  - Dặn HS về nhà tự tìm thêm các tình huống thực tế liên quan đến bài toán rút về đơn vị rồi tự thực hiện giải.  - Dặn HS chuẩn bị thước thẳng, ê ke cho bài sau: Góc nhọn, góc tù, góc bẹt | - 1 HS đọc yêu cầu, lớp đọc thấm  - HS nối tiếp nêu tình huống thực tế; nêu cách thực hiện bài toán bạn đưa ra.    - Lắng nghe, ghi nhớ và thực hiện  - Phân biệt được cách giải hai dạng bài toán rút về đơn vị và vận dụng để giải quyết được các tình huống thực tế có liên quan.  - Đọc kĩ yêu cầu bài tập để xác định đúng dạng bài.  - Lắng nghe để thực hiện |

IV Điều chỉnh sau tiết dạy:

.........................................................................................................................................

....................................................................................................................................................................................................................................................................................

-----------------------------------------------------------

TIẾNG VIỆT : **NÓI VÀ NGHE**

**TRAO ĐỔI: *NHƯ MĂNG MỌC THẲNG***

***(1 tiết)***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

Sau bài học này, HS sẽ:

* Nói mạch lạc, bước đầu biết nói truyền cảm, thuyết phục về chủ điểm *Như măng mọc thẳng.*
* Biết lắng nghe, ghi chép và có ý kiến phản hồi phù hợp về bài nói của các bạn.
* Biết điều chỉnh bài nói phù hợp với thái độ, phản ứng của người nghe.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Năng lực giao tiếp, hợp tác:* Biết trao đổi cùng các bạn, chủ động, tự nhiên, tự tin; biết nhìn vào người nghe khi nói.

*Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng

* vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

***Năng lực văn học:***

* Cảm nhận được tính cách nhân vật trong câu chuyện.
* Nêu được cảm nghĩ của bản thân.

**3. Phẩm chất**

* Bồi dưỡng phẩm chất trung thực (không nói dối, không làm hại người khác, biết giữ lời hứa).

**II. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC**

**1. Phương pháp dạy học**

* Đàm thoại, thảo luận nhóm.

**2. Hình thức tổ chức dạy học**

* Hoạt động độc lập, hoạt động nhóm, hoạt động lớp.

**III. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**a. Đối với giáo viên**

* Giáo án, SGK, SGV *Tiếng Việt 4*, tập một.
* Giấy A0, giấy A4.
* Máy tính, máy chiếu.

**b. Đối với học sinh**

* SGK *Tiếng Việt 4*, tập một.

**IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho HS từng bước làm quen với bài học.  **b. Cách tiến hành**  ***\* Giới thiệu bài***  - GV nêu yêu cầu cần đạt của bài cho HS.  - GV ghi tên bài học: ***Trao đổi: Như măng mọc thẳng.***  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Chuẩn bị**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS chuẩn bị cho phần trình bày ý kiến của mình.  **b. Cách tiến hành**  - GV yêu cầu HS đọc 2 đề trong SGK:  *+ Đề 1: Trình bày ý kiến của em về tính cách của các nhân vật trong một câu chuyện đã học ở Bài 3.*  *+ Đề 2: Trình bày ý kiến của em về biểu hiện của tính trung thực trong học tập và đời sống.*  - GV mời 2 – 3 HS cho biết các em sẽ lựa chọn đề nào.  - GV chia HS thành các nhóm (theo đề các em đã chọn). HS trong mỗi nhóm đọc kĩ những gợi ý về nội dung trao đổi trong SGK tương ứng với đề mình chọn.  **Hoạt động 2: Trao đổi trong nhóm**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS trao đổi trong nhóm về bài nói của mình.  **b. Cách tiến hành**  - GV tổ chức cho HS trao đổi trong nhóm đôi (để đảm bảo HS nào cũng được nói). HS dựa vào những gợi ý về nội dung trao đổi trong SGK.  **\* Đối với đề 1:** GV tổ chức cho HS trình bày ý kiến về tính cách của các nhân vật trong một câu chuyện đã học ở Bài 3 (*Chiếc ví, Một người chính trực, Những hạt thóc giống* – những câu chuyện về tính trung thực). VD: cậu bé Chôm, nhà vua, các nhân vật khác trong truyện *Những hạt thóc giống.*  **\* Đối với** **đề 2:** GV tổ chức cho HS trình bày ý kiến cá nhân về biểu hiện của tính trung thực trong học tập và đời sống.  - GV hướng dẫn HS đọc những gợi ý về nội dung trao đổi trong SGK.  - GV cho HS thực hiện yêu cầu của 2 đề theo nhóm, sử dụng kĩ thuật Mảnh ghép. Ví dụ:  + Với đề 1, bước l: 3 nhóm chuyên trao đổi về từng nhân vật trong truyện *Những hạt thóc giống*; bước 2: các nhóm ghép trao đổi về tất cả các nhân vật; bước 3: đại điện của các nhóm ghép trình bày trước lớp về ý kiến của nhóm.  + Với đề 2, bước 1: nhóm chuyên trao đổi về tình huống thể hiện cách ứng xử trung thực và tình huống thể hiện cách ứng xử không trung thực; bước 2: các nhóm ghép trao đổi về cả hai loại tình huống; bước 3: đại diện của các nhóm ghép trình bày trước lớp về ý kiến của nhóm.  - GV theo dõi, giúp đỡ HS trao đổi; tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá bài nói của nhau.  **Hoạt động 3: Trao đổi trước lớp.**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS trình bày ý kiến của mình trước lớp.  **b. Cách tiến hành**  - GV mời đại diện các nhóm trình bày ý kiến của mình trước lớp. GV hướng dẫn HS trình bày nội dung đã chuẩn bị theo các hình thức đa dạng (tranh ảnh, sơ đồ); ghi chép và trả lời câu hỏi của các bạn trong lớp.  - GV nhắc nhở các HS khác (trong vai người nghe) chú ý nghe bạn trình bày, ghi chép và chuẩn bị câu hỏi, sau đó đặt câu hỏi với bạn, nêu cảm nghĩ về bài trình bày của bạn.  - GV tổng kết ý kiến của cả lớp để HS hiểu đúng.  **\* CỦNG CỐ**  - GV nhận xét về tiết học, tuyên dương những HS có bài nói hay, thuyết phục, nhưng HS tiến bộ về kĩ năng nói, nghe.  **\* DẶN DÒ**  - GV hướng dẫn HS về nhà kể (đọc) lại cho người thân nghe và chuẩn bị nội dung cho bài Nói và nghe tuần tới. | - HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài học mới.    - HS đọc bài.    - HS trả lời.  - HS thực hiện yêu cầu.    - HS trao đổi trong nhóm.    - HS lắng nghe, thực hiện.  - HS hoạt động nhóm.    - HS trình bày ý kiến trước lớp.  - HS lắng nghe, thực hiện.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS tập trung lắng nghe.    - HS lắng nghe, thực hiện. |

**V Điều chỉnh sau tiết dạy:**

.........................................................................................................................................

....................................................................................................................................................................................................................................................................................

     -----------------------------------------------------------

ĐẠO ĐỨC: **BÀI 3: EM NHẬN BIẾT SỰ CẢM THÔNG, GIÚP ĐỠ NGƯỜI GẶP KHÓ KHĂN**

***(tiết 2)***

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

*Sau bài học này, HS sẽ:*

* Nêu được một số biểu hiện của sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.
* Biết vì sao phải cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
* *Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
* *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

***Năng lực riêng:***

* Năng lực điều chỉnh hành vi; tìm hiểu và tham gia các hoạt động giúp đỡ người gặp khó khăn.
* Góp phần hình thành năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân.

**3. Phẩm chất**

* Góp phần hình thành phẩm chất nhân ái.

**II. PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC**

**1. Phương pháp dạy học**

* Vấn đáp, động não, trực quan, hoạt động nhóm, giải quyết vấn đề, lắng nghe tích cực.

**2. Thiết bị dạy học**

**a. Đối với giáo viên**

* Giáo án, SHS, SGV, SBT Đạo đức 4.
* Các video clip liên quan đến sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.
* Tranh, hình ảnh về sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.
* Máy tính, máy chiếu (nếu có).

**b. Đối với học sinh**

* SHS.
* Tranh ảnh, tư liệu, video sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:**  **-** Tạo tâm thế tích cực, hứng thú học tập cho HS và kết nối với bài học mới.  - Giúp khơi gợi cảm xúc đạo đức, khai thác kinh nghiệm với các chuẩn mực đạo đức để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.  **b. Cách tiến hành**  -  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1. Quan sát tranh và trả lời câu hỏi**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS nêu được một số biểu hiện của sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.  **b. Cách tiến hành**  **Hoạt động 2: Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi**  **a. Mục tiêu:** HS xác định được biểu hiện của sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn trong tình huống cụ thể.  **b. Cách tiến hành**  **Hoạt động 3. Đọc ý kiến và thực hiện theo yêu cầu**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS biết vì sao phải cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.  **b. Cách tiến hành**  **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** HS biết được một số biểu hiện phù hợp và chưa phù hợp của sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.  **b. Cách tiến hành**  ***Bài tập 1: Nhận xét hành động của các bạn trong tình huống***  - GV chia lớp thành các nhóm học tập.  - GV hướng dẫn HS đọc và trả lời câu hỏi: *Em có nhận xét gì về hành vi của các bạn trong tình huống? Vì sao*  - GV mời đại diện các nhóm trả lời. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và đưa ra câu trả lời phù hợp.  *+ Tình huống 1: An và Hà thỏa thuận không chơi cùng bạn có tật ở chân. Bị tật ở chân là điều không ai muốn, làm bạn có nhiều bất tiện. Chúng ta cần hỗ trợ, giúp đỡ bạn thay vì cảm thấy phiền phức và không chơi với bạn.*  *+ Tình huống 2: Lan chạy đi chỗ khác mà không giúp bạn bị ngã đau đứng dậy. Sự cố bị ngã làm bạn đau, chúng ta cần hỗ trợ bạn đứng dậy hoặc giúp bạn đến phòng y tế.*  *+ Tình huống 3: Phù hợp vì Đức biết hỏi han, chia sẻ với nỗi buồn của bạn*  ***Bài tập 2: Đưa ra lời khuyên***  - GV yêu cầu HS đọc tình huống trong SGK và đưa ra lời khuyên phù hợp.  - GV cho HS thời gian để tìm ra lời khuyên phù hợp.  - GV mời 2 – 4 HS đưa ra lời khuyên cho tình huống. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).  - GV nhận xét, rút ra những lời khuyên phù hợp.  *+ HS khuyên Hoàng không nên nghĩ như thế vì trẻ em mồ côi rất khó khăn, tặng quà Tết giúp các em vui vẻ và ấm lòng hơn. Việc này là điều chúng ta nên làm, cũng giúp Hoàng thể hiện mình là người tử tế, có lòng nhân ái, biết yêu thương, cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.*  ***Bài tập 3: Đọc tình huống và trả lời câu hỏi***  - GV chia lớp thành các nhóm học tập.  - GV yêu cầu các nhóm đọc tình huống trong SGK và trả lời câu hỏi:  *+ Em có nhận xét gì về lời nói và hành động của An.*  *+ Nếu em là An, em sẽ làm gì để thể hiện mình là người biết cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn?*  - GV đại diện các nhóm đưa ra cách ứng xử phù hợp. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).  - GV nhận xét, rút ra những cách ứng xử phù hợp.  *+ Việc An đến thăm hỏi Hạnh là điều phù hợp; việc nói câu “Bố mình khoẻ lắm, hồi trước còn đạt huy chương thể thao” là chưa phù hợp vì việc so sánh sức khỏe với bố An sẽ làm cho Hạnh càng buồn hơn.*  *+ Nếu là An, em sẽ động viên Hạnh về sức khỏe của bố Hạnh, chia sẻ những khó khăn mà Hạnh và gia đình Hạnh đang gặp phải.*  **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu:** HS ứng dụng được những điều đã học vào thực tiễn qua những việc làm thể hiện lòng cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.  **b. Cách tiến hành**  - GV hướng dẫn HS liệt kê các biểu hiện của sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn đã được học.  - GV hướng dẫn HS cách sưu tầm những câu chuyện hoặc hình ảnh về một tấm gương biết cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.  - GV mời 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp về tấm gương biết cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).  - GV nhận xét, động viên HS tích cực thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.  - GV gợi ý cho HS câu chuyện về sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn: *Câu chuyện “Hiếu cõng Minh đi học”:*  *+ Tình bạn của Ngô Văn Hiếu và Nguyễn Tất Minh (cùng ngụ thôn 1, xã Đồng Thắng, H. Triệu Sơn, Thanh Hóa) vẫn được người dân địa phương, thầy cô và bạn bè thán phục, ví như câu truyện cổ tích giữa đời thường.*  *+ Suốt 10 năm qua, không kể ngày mưa hay nắng, Hiếu đều đặn đưa Minh đến trường trên đôi chân của mình vì Minh bị dị tật bẩm sinh.*  *+ Giờ đây, đôi bạn thân này lại sắp cùng nhau bước vào giảng đường đại học.*  **\* CỦNG CỐ**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* DẶN DÒ**  - GV nhắc nhở HS:  + Đọc lại bài học *Em nhận biết sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.*  + Thể hiện được sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi.  + Nhắc nhở bạn bè, người thân có thái độ, hành vi cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.  + Đọc trước *Bài 4 – Em thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ người khó khăn* (SHS tr.18). | .  - HS làm việc theo nhóm.  - HS đọc các ý kiến.    - HS trả lời.  - HS lắng nghe, tiếp thu.    - HS chia thành các nhóm.  - HS lắng nghe GV nêu câu hỏi.    - HS trả lời câu hỏi.  - HS lắng nghe, tiếp thu.    - HS đọc tình huống.  - HS trả lời.  - HS lắng nghe, tiếp thu.    - HS thực hành theo nhóm.  - HS đọc tình huống và trả lời.    - HS trả lời.  - HS lắng nghe, tiếp thu.    - HS thực hành theo hướng dẫn của GV.    - HS chia sẻ trước lớp.  - HS lắng nghe, tiếp thu.    - HS lắng nghe, tiếp thu.    - HS tiếp thu, ghi nhớ. |

**IVĐiều chỉnh sau tiết dạy:**

.........................................................................................................................................

....................................................................................................................................................................................................................................................................................

     -----------------------------------------------------------

KHOA HỌC :

## BÀI 6: VAI TRÒ CỦA KHÔNG KHÍ

## VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ

***( tiết 1)***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**:

Sau bài học này, HS sẽ:

* Giải thích được vai trò của không khí đối với sự cháy.
* Trình bày được vai trò của không khí đối với sự sống.
* Giải thích được nguyên nhân gây ra ô nhiễm không khí, sự cần thiết phải bảo vệ môi trường không khí.
* Thực hiện được việc làm phù hợp để bảo vệ môi trường không khí và vận động những người xung quanh cùng thực hiện.

**2. Năng lực**:

***Năng lực chung:***

* *Năng lực tự chủ, tự học:* Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học, biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.
* *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Tham gia tích cực vào các trò chơi, hoạt động khám phá kiến thức.
* *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

***Năng lực riêng:***

* Trình bày được vai trò và ứng dụng tính chất của không khí đối với sự sống.
* Quan sát và làm thí nghiệm để giải thích được vai trò của không khí đối với sự cháy.
* Giải thích được nguyên nhân gây ra ô nhiễm không khí; sự cần thiết phải bảo vệ bầu không khí trong lành.
* Thực hiện được một số việc làm phù hợp để bảo vệ môi trường không khí và vận động những người xung quanh cùng thực hiện.

**3. Phẩm chất**:

* *Phẩm chất nhân ái:* Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
* *Phẩm chất chăm chỉ*: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, làm tốt các bài tập.
* *Phẩm chất trách nhiệm*: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC:**

**1. Phương pháp dạy học**

* Vấn đáp, động não, trực quan, hoạt động nhóm.
* Nêu vấn đề, giải quyết vấn đề.

**2. Thiết bị dạy học**

**a. Đối với giáo viên:**

* Giáo án.
* Máy tính, máy chiếu.
* Các tranh ảnh, video liên quan đến bài học.
* Đồ dùng thí nghiệm theo nhóm :

+ 03 cây nến giống nhau.

+ 02 cốc thủy tinh có kích thước giống nhau.

**b. Đối với học sinh:**

* SHS, VBT.
* Dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. PHÂN BỐ THỜI LƯỢNG:**

* Tiết 1: Khởi động đến hết hoạt động 4
* Tiết 2: Hoạt động 5 đến hoạt động 8.

**IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **Tiết 1. Vai trò của không khí** | |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú, kích thích sự tò mò của HS trước khi vào bài học.  **b. Cách thức thực hiện:**  - GV chiếu hình ảnh và dẫn dắt đặt câu hỏi: *Khi thổi không khí vào bếp than hoặc bếp củi thì lửa sẽ cháy to lên hay nhỏ đi? Vì sao?*  Làm thế nào để ngọn lửa ở bếp than và bếp củi không bị tắt? | SGK Khoa học  lớp 4  - GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, khuyến khích HS chia sẻ suy nghĩ của mình và chưa cần chốt ý kiến đúng.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài học mới: ***Bài 6 – Vai trò của không khí và bảo vệ môi trường không khí.***  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC: KHÔNG KHÍ CẦN CHO SỰ CHÁY**  - GV gọi HS đọc thông tin cung cấp kiến thức trong kí hiệu con ong.  *Khí ô-xi duy trì sự cháy. Nếu không có khí ô-xi thì không có sự cháy.*  - GV dẫn dắt HS: *Ô-xi cần cho sự cháy, mà trong thành phần của không khí có khí ô-xi, vì vậy, không khí cần cho sự cháy và duy trì sự cháy. Sau đây, chúng ta sẽ làm thí nghiệm để chứng minh điều này.*  **Hoạt động 1: Tiến hành thí nghiệm chứng minh không khí cần cho sự cháy**  **a. Mục tiêu:**  Quan sát và làm thí nghiệm để giải thích được vai trò của không khí đối với sự cháy.  **b. Cách thức thực hiện:**  - GV chia lớp thành các nhóm 8 HS.  - GV yêu cầu các nhóm đọc thông tin và thực hiện thí nghiệm theo hướng dẫn trang 24 SGK:  *Chuẩn bị: Ba cây nến A, B, C giống nhau và hai cốc thuỷ tinh có kích thước khác nhau.*  *Tiến hành:*  *• Đốt cho ba cây nến cháy. Sau đó, đồng thời úp cốc thuỷ tinh nhỏ lên cây nến B và cốc thuỷ tinh to lên cây nến C (hình 1). Quan sát và cho biết cây nến nào cháy lâu hơn.*  *• Giải thích kết quả.*  - GV gọi đại diện 1 – 2 nhóm trình bày kết quả thí nghiệm và giải thích, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.    - GV nhận xét, tuyên dương nhóm có kết quả chính xác.  - GV tổ chức HS thảo luận: *“Cần phải làm gì để duy trì sự cháy đối với các cây nến B, C? Vì sao?”*  - GV gọi lần lượt đại diện 2 nhóm nêu kết quả và giải thích kết quả đó. HS các nhóm khác nhận xét.    - GV nhận xét phần trình bày của các nhóm, tuyên dương các nhóm có câu trả lời chính xác.  - GV chốt cách giải thích và lưu ý HS:  *+ Khi các cây nến B, C tắt thì trong cốc chỉ hết ô-xi, còn các thành phần khác của không khí như ni-tơ, các-bô-níc vẫn còn.*  *+ Muốn cây nến B, C tiếp tục cháy thì phải cung cấp thêm không khí cho nó bằng cách: nếu nến đã tắt thì phải châm lửa lại, còn nếu sắp tắt thì nhấc cốc lên để không khí vào thêm trong cốc.*  **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG: KHÔNG KHÍ CẦN CHO SỰ CHÁY**  **Hoạt động 2: Tìm hiểu một số cách chữa cháy trong thực tế**  **a. Mục tiêu:**  Giải thích được việc dập lửa bằng cách chụp chăn ướt lên đám cháy.  **b. Cách thức thực hiện:**  - GV chia lớp thành các nhóm 4 HS.  - GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm thảo luận thực hiện yêu cầu trong logo luyện tập, vận dụng ở trang 24 SGK.  *Trong các buổi diễn tập phòng cháy chữa cháy, người ta sử dụng chăn ướt chụp lên đám cháy để dập lửa. Hãy giải thích vì sao có thể dập lửa như vậy.*  - GV gọi đại diện 1 - 2 nhóm trả lời trước lớp. HS nhóm khác nhận xét.    - GV nhận xét, chính xác phần giải thích.  - GV dẫn dắt, đặt câu hỏi: “Em còn biết cách chữa cháy trong thực tế không?”  - GV gọi một số HS trả lời, cả lớp nhận xét.    - GV nhận xét và thống kê một số cách chữa cháy trong thực tế:  *+ Dùng nước*  *+ Dùng bình cứu hỏa*  *+ Dùng cát*  *+ Phun bọt*  *+…*  **D. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC: KHÔNG KHÍ CẦN CHO SỰ SỐNG**  **Hoạt động 1: Tìm hiểu về vai trò của không khí đối với sự sống**  **a. Mục tiêu:**  Trình bày được vai trò và ứng dụng tính chất của không khí đối với sự sống.  **b. Cách thức thực hiện:**  - GV yêu cầu HS đọc nội dung trong kí hiệu con ong ở trang 25 SGK.  *Không khí có vai trò quan trọng đối với sự sống. Khí ô-xi trong không khí cần cho hoạt động hô hấp của con người, động vật và thực vật. Khi các-bô-níc cần cho quá trình quang hợp ở thực vật.*  - GV chiếu hình 2 trang 25 SGK lên bảng và yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *“Không khí có vai trò như thế nào đối với sự sống?”.*    - GV mời ba HS lần lượt lên bảng chỉ và trình bày, cả lớp nhận xét, bổ sung.    - GV nhận xét, tuyên dương nhóm có kết quả chính xác và chốt kiến thức:  *+ Không khí giúp con người, động vật hô hấp.*  *+ Không khí giúp thực vật quang hợp.*  **E. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG**  **Hoạt động 4: Giải thích vai trò của không khí trong cuộc sống.**  **a. Mục tiêu:**  Giải thích được vai trò của không khí trong đời sống, sản xuất.  **b. Cách thức thực hiện:**  ***Nhiệm vụ 1. Trả lời các câu trắc nghiệm***  - GV tổ chức cho HS bài tập trắc nghiệm:  **Câu 1:** Không khí duy trì  A. Sự cháy  B. Sự sống  C. Lượng nước trao ao hồ  D. Cả A và B  **Câu 2:** Quá trình nào sau đây cần không khí?  A. Nóng chảy.  B. Ngưng tụ.  C. Hòa tan.  D. Hô hấp.  **Câu 3:**  Đâu không là vai trò của không khí đối với sự sống?  A. Cung cấp nitrogen giúp cây cối phát triển nhanh.  B. Gây ô nhiễm môi trường.  C. Không khí giúp điều hòa khí hậu.  D. Cung cấp sự sống, sự cháy cho vạn vật.  **Câu 4:** Vì sao có thể dùng chăn ướt để dập lửa?  A. Chăn ướt có thể ngăn cách đám cháy với không khí bên ngoài.  B. Chăn ướt làm giảm nhiệt độ của đám cháy.  C. Chăn ướt dễ cháy.  D. Đáp án A và B.  **Câu 5:** Nhà kính trồng rau là công trình có mái che được làm bằng kính hoặc các vật liệu tương tự nhằm tránh các tác hại từ thời tiết. Tuy nhiên các nhà kính đều có cửa thông khí, mục đích là để  A. Trao đổi nhiệt độ với môi trường bên ngoài.  B. Cung cấp không khí cho cây cối.  C. Cung cấp độ ẩm của môi trường bên ngoài cho cây cối.  D. Tưới cây bằng nước mưa, không phải xây các hệ thống tưới tiêu.  - GV mời HS trả lời, cả lớp nhận xét.    - GV nhận xét, tuyên dương HS trả lời đúng.  ***Nhiệm vụ 2. Giải thích vai trò của không khí trong cuộc sống***  - GV tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm bốn.  - GV treo hình 3, 4 trang 25 SGK phóng to lên bảng, yêu cầu HS quan sát và trả lời các câu hỏi:  *Vì sao phải sử dụng quạt thông gió cho nhà kính để trồng cây?*  *Vì sao phải sử dụng bình có chứa khí ô-xi khi lặn?*    - GV gọi đại diện 1 – 2 nhóm lên bảng chỉ và giải thích, HS các nhóm khác nhận xét, bổ sung.    - GV nhận xét, tuyên dương các nhóm trình bày chính xác.  - GV dẫn dắt, đặt câu hỏi: *“Vai trò của không khí được ứng dụng trong đời sống, sản xuất như thế nào?”*  - GV yêu cầu một HS đọc nội dung kiến thức cốt lõi ở cuối trang 25 SGK.  *Không khí có vai trò duy trì sự cháy và duy trì sự sống.*  **\* CỦNG CỐ**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* DẶN DÒ**  - Ôn tập kiến thức đã học*.*  - Đọc và chuẩn bị trước tiết sau. | - HS quan sát hình, suy nghĩ trả lời câu hỏi mở đầu.    - HS xung phong trả lời:  *Lửa sẽ cháy to hơn.*  - HS theo dõi, ghi bài mới.    - HS thực hiện theo yêu cầu.    - HS lắng nghe, hăng hái tìm hiểu thí nghiệm.    - HS chia theo nhóm.  - Các nhóm thực hiện theo yêu cầu.    - Đại diện các nhóm xung phong trình bày.  *Cây nến A cháy lâu nhất vì không bị úp cốc. Cây nến B tắt nhanh nhất, vì cốc úp cây nến B nhỏ hơn dẫn tới có ít không khí nhất, nghĩa là ít ô-xi nhất. Khi trong cốc hết ô-xi thì cây nến B sẽ tắt. Vì cốc úp cây nến C to hơn nên chứa nhiều không khí hơn, nghĩa là chứa nhiều ô-xi hơn, nên cây nến C cháy lâu hơn cây nến B.*  - Các nhóm thực hiện thảo luận theo yêu cầu.  - Đại diện các nhóm xung phong trình bày.  *Muốn các cây nến B và C tiếp tục cháy, ta phải tiếp tục cung cấp không khi cho chúng, vì không có ô-xi thì không thể duy trì sự cháy.*  - HS lắng nghe, sửa bài.  - HS chú ý lắng nghe.    - HS chia thành các nhóm.  - Các nhóm thực hiện theo yêu cầu    - Đại diện các nhóm xung phong trả lời.  *+ Phải nhúng chăn ướt để chặn không bị cháy.*  *+ Chụp chăn ướt lên đảm chảy để ngăn không khí tiếp xúc với vật đang cháy tức là ngăn nguồn cung cấp ô-xi cho vật đang cháy, khiến đám cháy không còn ô-xi thì sẽ tắt.*  - HS lắng nghe, sửa bài.  - HS lắng nghe, suy nghĩ.  - HS trả lời:  *Có thể chữa cháy bằng cách: xịt nước, dùng bình cứu hỏa, dùng cát,...*  - HS chú ý lắng nghe, sửa bài.    - HS thực hiện theo yêu cầu.    - HS quan sát và suy nghĩ.    - HS xung phong trình bày.  *Hình 2 có hai phần:*  *+ Phần bên trái mô tả quá trình hô hấp của con người và động vật, thực vật: hút khí ô-xi trong không khí, thở ra khí các-bô-níc vào không khí.*  *+ Phần bên phải mô tả quá trình quang hợp dưới ánh sáng mặt trời của thực vật nhận khí các-bô-nic từ không khí, nhả ra khí ô-xi vào không khí.*  - HS chú ý  lắng nghe.    - HS chú ý lắng nghe.    - HS chọn đáp án:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | *Câu 1* | *Câu 2* | *Câu 3* | *Câu 4* | *Câu 5* | | *D* | *D* | *B* | *D* | *B* |     - HS chia theo nhóm.  **-** Các nhóm thực hiện theo yêu cầu.    - Đại diện các nhóm xung phong trình bày.  *+ Hình 3: Việc sử dụng quạt thông gió cho nhà kính là để tạo hiệu ứng làm mới không khí trong nhà kính, đảm bảo không khí từ ngoài có thể vào trong nhà kính và ngược lại. Từ đó cung cấp đủ lượng oxi cho cây phát triển và thải được khí các-bô-níc ra bên ngoài.*  *+ Hình 4: Sự dụng bình ô-xi khi lặn là để cung cấp ô-xi cho sự thở của người thợ lặn.*  - HS lắng nghe, suy nghĩ.  - HS đọc và ghi nhớ.    - HS chú ý lắng nghe, ghi nhớ.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.    - HS chú ý, thực hiện theo yêu cầu của GV. |

**Điều chỉnh sau tiết dạy:**

.........................................................................................................................................

....................................................................................................................................................................................................................................................................................

     -----------------------------------------------------------

Ngày soạn 8/10/2023

Ngay dạy Thứ Tư ngày 11/10/2023

TIẾNG VIỆT:

**ĐỌC 4: NHỮNG CHÚ BÉ GIÀU TRÍ TƯỞNG TƯỢNG**

***(1 tiết)***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

Sau bài học này, HS sẽ:

* Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh mà HS địa phương dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng theo các dấu câu và theo nghĩa. Tốc độ đọc khoảng 75 – 80 tiếng / phút. Đọc thầm nhanh hơn lớp 3.
* Hiểu nghĩa của các từ ngữ khó trong bài. Trả lời được các CH về nội dung bài. Hiểu ý nghĩa của bài: phân biệt được thói quen tán dóc vui vẻ với thói quen dối trá, từ đó nhà tránh những hành động nói dối. lừa gạt người khác.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Biết cùng các bạn thảo luận nhóm.
* *Năng lực tự chủ và tự học:* Trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu.

***Năng lực văn học:***

* Hiểu những chi tiết thể hiện tính cách của các nhân vật, chia sẻ được suy nghĩ của bản thân với mọi người.

**3. Phẩm chất**

* Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái, trung thực: biết yêu thương, chia sẻ, không nói dối và không đổ lỗi cho người khác..

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**a. Đối với giáo viên**

* SGK Tiếng Việt 4 (tập 1), SGV Tiếng Việt 4 (tập 1), Vở bài tập Tiếng Việt (tập 1).
* Tranh minh họa bài đọc*.*
* Máy tính, máy chiếu.

**b. Đối với học sinh**

* SGK Tiếng Việt 4 (tập 1), Vở bài tập Tiếng Việt (tập 1).

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC**

* Phương pháp dạy học chính: Tổ chức hoạt động.
* Hình thức dạy học chính: HĐ độc lập (làm việc độc lập), HĐ nhóm (thảo luận nhóm), HĐ lớp (trò chơi phỏng vấn).

**IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu**  - GV nhắc lại một số quy ước cho HS về học Tiếng Việt.  - Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước làm quen bài học.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV tổ chức cho HS khởi động bằng cách giao nhiệm vụ: *HS đọc tên và quan sát bức tranh minh họa trong bài:*    - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *+ Trong bức tranh, các em thấy những nhân vật nào?*  *+ Họ đang nói chuyện gì?*  *+ Họ có hành động gì đặc biệt.*  - GV mời 1 – 2 HS trả lời, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của lớp.  - GV dẫn dắt vào bài mới: *Các em hãy đọc bài* ***Những chú bé giàu trí tưởng tượng*** *để tìm hiểu câu chuyện nhé!*  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Đọc thành tiếng**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - Lắng nghe GV đọc mẫu, hướng dẫn đọc, luyện đọc từ khó, luyện cách ngắt nghỉ và đọc câu thể hiện cảm xúc của nhân vật.  - Tự luyện đọc theo hướng dẫn.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV đọc mẫu kết hợp giải nghĩa từ khó và những từ ngữ khác, nếu xét thấy cần thiết đối với HS địa phương: *giọng đọc toàn bài hào hứng, tha thiết.*  - GV tổ chức cho HS luyện đọc như đã hướng dẫn ở các bài trước.  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của lớp.  **Hoạt động 2: Đọc hiểu**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - Thảo luận nhóm đôi theo các câu hỏi tìm hiểu bài*.* Trả lời câu hỏi bằng trò chơi phỏng vấn.  - Hiểu được nội dung của bài đọc.  **b. Tổ chức thực hiện.**  - GV mời 4 HS tiếp nối đọc to, rõ 4 câu hỏi trong SGK. Cả lớp đọc thầm theo.  - GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm theo các câu hỏi tìm hiểu bài. GV có thể chọn các biện pháp kĩ thuật khác nhau: *thảo luận nhóm đôi; mảnh ghép; khăn trải bàn;...*  + Câu 1. Những câu chuyện của Mi-sa và Xa-sa có gì thú vị?  + Câu 2. Vì sao Mi-sa và Xa-sa bỏ về, không muốn ngồi cùng l-go?  + Câu 3. Việc l-go làm có gì khác với trò chơi tán dóc của Mi-sa và Xa-sa?  + Câu 4. Theo em, tính cách của Mi-sa và Xa-sa có gì đáng yêu?  - GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả, GV có thể lựa chọn các biện pháp kĩ thuật khác nhau: thực hiện trò chơi phỏng vấn; mảnh ghép; khăn trải bàn;...    - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của lớp.  **Hoạt động 3: Đọc nâng cao**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - Nhắc lại lưu ý khi đọc bài; xác định được giọng đọc của nhân vật.  - Luyện đọc trong nhóm và trước lớp.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV hướng dẫn HS đọc: *chú ý cách nghỉ hơi của các câu dài, nhấn mạnh những từ ngữ quan trọng:*  *+ Tớ bay ban đêm / nên* ***không thấy gì****. // Bay* ***mãi****.../ bay* ***mãi****... / rồi rơi* ***huỵch*** *xuống đất.*  *+ Nhưng chúng tớ / có* ***lừa dối*** *ai đâu! // Chỉ* ***tưởng tượng*** *thôi, / như kể* ***chuyện cổ tích*** *ấy mà.*  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của lớp.  **\* CỦNG CỐ, DẶN DÒ**  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi biểu dương những HS học tốt.  - GV nhắc nhở HS chuẩn bị bài mới. | - HS đọc tên và quan sát tranh.    - HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV.    - HS chia sẻ đáp án.  - HS  lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài mới.    - HS nghe GV đọc mẫu.  - HS luyện đọc.  - HS lắng nghe, tiếp thu.    - HS đọc bài theo hướng dẫn của GV.  - HS đọc bài, thảo luận.    - HS thực hiện theo kĩ thuật GV lựa chọn, chia sẻ kết quả:  **(**1)  + HS hỏi: Những câu chuyện của Mi-sa và Xa-sa có gì thú vị?  + HS trả lời: Đó là những câu chuyện tưởng tượng vui vẻ, dễ thương, mới nghe vô lí nhưng thực ra có lí.  (2)  + HS hỏi: Vì sao Mi-sa và Xa-sa bỏ về, không muốn ngồi cùng I-go?  + HS trả lời: Vì Mi-sa và Xa-sa thấy nói chuyện với I-go không hợp: Mi-sa và Xa-sa cho rằng họ chỉ tưởng tượng cho vui, không lừa dối ai, nhưng I-go lại coi thường những câu chuyện của Mi-sa và Xa-sa, cho rằng hai bạn khoác lác.  (3)  + HS hỏi: Việc I-go làm có gì khác với trò chơi tán dóc của Mi-sa và Xa-sa?  + HS trả lời: Những câu chuyện của Mi-sa và Xa-sa là chuyện tưởng tượng cho vui, vô hại; còn việc I-go làm là nói dối, đổ lỗi cho người khác.  (4)  + HS hỏi: Theo em, tính cách của Mi-sa và Xa-sa có gì đáng yêu?  + HS trả lời: Hai cậu bé rất vui tính, rất trung thực và tốt bụng, biết quan tâm, chia sẻ với người khác.  - HS lắng nghe, tiếp thu.    - HS đọc bài theo hướng dẫn.    - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, thực hiện. |

**V Điều chỉnh sau tiết dạy:**

.........................................................................................................................................

....................................................................................................................................................................................................................................................................................

     -----------------------------------------------------------

TOÁN:

**Bài 19: GÓC NHỌN, GÓC TÙ, GÓC BẸT (1 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

1. Năng lực đặc thù:

*- Năng lực tư duy và lập luận toán học:* Có biểu tượng về góc nhọn, góc tù, góc bẹt.

*- Năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán:* Biết dùng ê ke để nhận biết góc nhọn, góc tù, góc bẹt.

+ Kẻ thêm một đoạn thẳng trên giấy kẻ ô li để tạo được góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt.

*- Năng lực giao tiếp toán học:* Liên hệ với thực tiễn cuộc sống có liên quan đến góc nhọn, góc tù, góc bẹt.

2. Năng lực chung:

*- Tự chủ và tự học:* Học sinh tích cực, chủ động suy nghĩ và thực hành.

*- Giao tiếp và hợp tác:* Trao đổi, thảo luận với bạn bè về các hình ảnh  góc nhọn, góc tù, góc bẹt trong các tình huống thực tế

*- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Đề xuất được các cách để tạo góc nhọn, góc tù, góc bẹt trong thực tế cuộc sống.

3. Phẩm chất: Hình thành sự chăm chỉ, ý thức trách nhiệm đối với bản thân và tập thể. Nhân ái: Biết giúp đỡ bạn khi bạn gặp khó khăn trong học tập

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Nhạc khởi động; kéo; mặt đồng hồ; ê ke, các tấm bìa có vẽ sẵn các góc nhọn, góc tù, góc bẹt như SGK

- HS: Thước kẻ, ê ke.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV*** | ***Hoạt động của HS*** |
| ***1. Hoạt động mở đầu***  \* Mục tiêu: Tạo không khí vui tươi, hào hứng cho tiết học.  \* Cách tiến hành: | |
| - GV cho HS nhảy vũ điệu rửa tay.  - YC HS quan sát tranh.  H: Tranh vẽ gì?    - GV: Ở lớp 3 các con đã được biết về góc vuông và góc không vuông. Mỗi góc không vuông có tên gọi như thế nào? Cô cùng các em sẽ tìm hiểu qua bài ***Góc nhọn, góc tù, góc bẹt*** | - HS nhảy vũ điệu rửa tay  - Quan sát tranh  - Hai bạn nhỏ chơi xếp hình với những que tính. Trên mặt bàn có cây kéo, phía sau có đồng hồ treo tường. Bạn nữ hỏi: Trong những góc vừa ghép, góc nào là góc vuông? Góc nào là góc không vuông?  - 1 HS lên bảng chỉ đâu là góc vuông, đâu là góc không vuông. Lớp nhận xét. |
| ***2. Hoạt động hình thành kiến thức mới***  \* Mục tiêu: Nhận dạng góc nhọn, góc tù, góc bẹt  \* Cách tiến hành: | |
| - GV giới thiệu góc nhọn: Độ mở của hai mũi kéo tạo thành 1 góc gọi là góc nhọn.  - GV cho HS quan sát tấm bìa có vẽ sẵn góc nhọn.  + Đặt góc vuông ê ke để kiểm tra, con thấy góc nhọn lớn hơn, bé hơn hay bằng góc vuông?  + YC HS vẽ 1 góc nhọn vào giấy nháp.  - GV giới thiệu góc tù: Độ mở của hai kim giờ và kim phút của đồng hồ tạo thành 1 góc gọi là góc tù.  - GV cho HS quan sát tấm bìa có vẽ sẵn góc tù.  + Đặt góc vuông ê ke để kiểm tra, con thấy góc tù lớn hơn, bé hơn hay bằng góc vuông?  + YC HS vẽ 1 góc tù vào giấy nháp.  - GV giới thiệu góc bẹt: Đặt ép chặt trang vở trên bàn. Độ mở của hai cạnh vìa vở tạo thành 1 góc gọi là góc bẹt.  - GV cho HS quan sát tấm bìa có vẽ sẵn góc bẹt.  + HD HS đặt 2 góc vuông ê ke để kiểm tra. Con thấy góc bẹt như thế nào so với góc vuông?  + YC HS vẽ 1 góc bẹt vào giấy nháp.  - GV đưa ra một số hình ảnh khác về góc nhọn, góc tù, góc bẹt, YC HS nhận dạng.  H: Góc tù lớn hơn góc vuông và như thế nào so với góc bẹt? | - Quan sát, lắng nghe.    - Thực hành đặt góc vuông ê ke để kiểm tra.  Nêu nhận xét: Góc nhọn bé hơn góc vuông.  - HS nối tiếp nhắc lại.  - Quan sát, lắng nghe.    - Thực hành đặt góc vuông ê ke để kiểm tra.  Nêu nhận xét: Góc tù lớn hơn góc vuông.  - HS nối tiếp nhắc lại.  - Quan sát, lắng nghe.    - Thực hành đặt góc vuông ê ke để kiểm tra.  Nêu nhận xét: Góc bẹt bằng 2 góc vuông.  - HS nối tiếp nhắc lại.  - HS nhận dạng góc theo yêu cầu của GV  - Góc tù lớn hơn góc vuông và bé hơn góc bẹt.  - Nối tiếp nhắc lại đặc điểm của góc nhọn, góc tù, góc bẹt |
| ***3. Hoạt động luyện tập thực hành***  \* Mục tiêu: Nhận dạng và biết dùng ê ke để nhận biết góc nhọn, góc tù, góc bẹt. Kẻ thêm một đoạn thẳng trên giấy kẻ ô li để tạo được góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt.  \* Cách tiến hành: | |
| **Bài 1:** GV gọi HS đọc yêu cầu  - YC HS thực hiện theo nhóm đôi, tg 3 phút: Cảm nhận bằng mắt, dùng eke để nhận biết góc nhọn, góc tù, góc bẹt  - Gọi đại diện các nhóm báo cáo kết quả.  - GV chốt kết quả đúng. Nhận xét  kết quả hoạt động nhóm.  **Bài 2.** GV gọi HS đọc yêu cầu  - YC HS thực hiện theo nhóm đôi, tg 3 phút.  - Gọi đại diện các nhóm báo cáo kết quả.  - GV chốt kết quả đúng. Nhận xét  kết quả hoạt động nhóm.  **Bài 3.** GV gọi HS đọc yêu cầu.  - GV cho HS quan sát mỗi hình vẽ trong SGK, nhận dạng góc nhọn, góc tù, góc bẹt.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - Cho HS chơi trò chơi: “Tạo hình ảnh của góc”  - GV nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS đọc yêu cầu.  - Làm việc nhóm đôi: Cảm nhận bằng mắt, dùng eke để nhận biết góc nhọn, góc tù, góc bẹt rồi trao đổi kết quả theo cặp.  - Báo cáo kết quả, lớp nhận xét, chốt kết quả đúng:  a/ và e/- góc nhọn; b/và g- góc tù; c/ góc vuông; d/ góc bẹt.  - Nối tiếp nhắc lại đặc điểm nhận dạng góc.  - 1 HS đọc yêu cầu.  - Làm việc nhóm đôi: vẽ thêm 1 đoạn thẳng để được các góc theo yêu cầu rồi trao đổi kết quả theo cặp.  - Chia sẻ kết quả trước lớp. Lớp nhận xét, chốt kết quả đúng.  - 1 HS đọc yêu cầu.  - Làm việc cá nhân, quan sát và nối tiếp nêu kết quả.  - Lớp nhận xét, chốt câu trả lời đúng:  a) Góc bẹt; b) góc nhọn; c) góc vuông; d) góc tù.  - Chơi trò chơi: Nối tiếp từng cặp 2 bạn lên trước lớp, 1 bạn dùng cánh tay, khuỷu tay để tạo hình ảnh của góc nhọn, góc tù, góc bẹt. 1 bạn khác gọi tên góc và chỉ ra đỉnh và cạnh của góc.  - Lớp nhận xét, bình chọn cặp bạn thể hiện trò chơi xuất sắc nhất. |
| ***4. Hoạt động vận dụng***  \* Mục tiêu: Liên hệ chỉ ra các hình ảnh trong thực tiễn cuộc sống có liên quan đến góc nhọn, góc tù, góc bẹt.  \* Cách tiến hành: | |
| **Bài 4.** GV gọi HS đọc yêu cầu.  - YC HS hoạt động nhóm 4, liên hệ chỉ ra các hình ảnh của các góc nhọn, góc tù, góc bẹt.  - GV nhận xét, tuyên dương kết quả hoạt động nhóm.    **\* Củng cố-dặn dò:**  H: Qua bài học hôm nay em biết thêm điều gì? Thuật ngữ nào cần chú ý?  H: Để vẽ được góc nhọn, góc vuông, góc tù, góc bẹt, em nhắn bạn điều gì?  - Dặn HS về nhà tự tìm thêm các hình ảnh trong thực tiễn cuộc sống có liên quan đến góc nhọn, góc tù, góc bẹt.  - Dặn HS chuẩn bị thước đo góc, mô hình đồng hồ | - 1 HS đọc yêu cầu.  - Hoạt động nhóm 4, chỉ ra các hình ảnh của các góc nhọn, góc tù, góc bẹt. Ví dụ:    + Ở hình ảnh trên kim giờ và kim phút tạo thành các góc lần lượt là: góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt.  - Đại diện nhóm chia sẻ kết quả trước lớp. Cả lớp nhận xét, chốt kết quả đúng.  - Em nhận dạng và biết đặc điểm của góc nhọn, góc tù, góc bẹt.  - Nhớ được nhận dạng và đặc điểm của mỗi góc và chịu khó thực hành để sử dụng thành thạo thước thẳng, ê ke để vẽ góc.  - Lắng nghe để thực hiện |

**Điều chỉnh sau tiết dạy:**

.........................................................................................................................................

....................................................................................................................................................................................................................................................................................

     -----------------------------------------------------------

**LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ : BÀI 4: DÂN CƯ, HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀ MỘT SỐ NÉT VĂN HÓA Ở VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

*Sau bài học này, HS sẽ:*

* Kể được tên một số dân tộc sinh sống ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
* Nhận xét được một cách đơn giản sự phân bố dân cư ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ thông qua lược đồ phân bố dân cư.
* Nêu được một số cách thức khai thác tự nhiên ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
* Mô tả được một số nét văn hóa của các dân tộc ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ (chợ phiên vùng cao, lễ hội Tồng Ngồng, múa Xòe Thái).

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Năng lực giao tiếp hợp tác:* bước đầu sử dụng được ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh, cử chỉ để trình bày thông tin về một số nét văn hoá ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ; thực hiện nhiệm vụ theo nhóm; trao đổi tích cực, có hiệu quả với thầy cô và bạn bè.
* *Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

*Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* khả năng giải quyết các nhiệm vụ học tập độc lập và theo nhóm; tư duy logic, sáng ***Năng lực đặc thù:***

* Năng lực đọc hiểu và tự tìm kiếm được những thông tin về dân cư, hoạt động sản xuất, văn hoá đặc trưng của các dân tộc ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
* Từ những nguồn tư liệu, nêu được nhận xét về đặc điểm, ý nghĩa của các nét văn hoá của các dân tộc ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đối với dân tộc đó nói riêng và đối với đất nước nói chung.
* Khả năng sử dụng được các nguồn tư liệu lịch sử và địa lí để thảo luận về một nét văn hoá ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

tạo khi giải quyết vấn đề.

**3. Phẩm chất**

* *Nhân ái:* Tôn trọng sự da dạng văn hóa của các dân tộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
* *Chăm chỉ:* Tự giác tìm hiểu, khám phá tri thức liên quan đến nội dung bài học.

**II. PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC**

**1. Phương pháp dạy học**

* Vấn đáp, động não, trực quan, hoạt động nhóm, giải quyết vấn đề, lắng nghe tích cực.

**2. Thiết bị dạy học**

**a. Đối với giáo viên**

* Giáo án, SHS, SGV, SBT Lịch sử Địa lí 4.
* Tranh ảnh về một số dân tộc, chợ phiên vùng cao, lễ hội Lồng Tồng, xòe Thái ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
* Video clip về cách khai thác tự nhiên (làm ruộng bậc thang, xây dựng các công trình thủy điện, khai thác khoáng sản) (nếu có).
* Máy tính, máy chiếu (nếu có).

**b. Đối với học sinh**

* SHS, Vở bài tập Vở bài tập Lịch sử Địa lí 4, phần Lịch sử.
* Tranh ảnh sưu tầm và dụng cụ học tập có liên quan đến nội dung bài học.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:**  - Tạo tâm thế tích cực, hứng thú học tập cho HS và kết nối với bài học mới.  - Huy động những hiểu biết của HS về vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.  **b. Cách tiến hành**  - GV yêu cầu HS đọc phần Khởi động (SHS tr.19) và nêu câu hỏi: *Nếu được đi du lịch đến vùng này, em mong muốn được chiêm ngưỡng cảnh vật và nét văn hóa nào nơi đây?*  - GV mời 2 – 3 HS chia sẻ.  - GV dẫn dắt HS vào bài học: ***Bài 4 – Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hóa ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.***  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **\* Dân cư**  **Hoạt động 1: Tìm hiểu về dân cư ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - Kể được tên một số dân tộc sinh sống ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.  - Hiểu và nhận xét được sự phân bố dân cư thông qua việc quan sát lược đồ phân bố dân cư vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.  **b. Cách tiến hành**  - GV tổ chức cho HS cả lớp thảo luận nhóm (4HS/nhóm).  - GV giao nhiệm vụ cho các nhóm: *Đọc thông tin, quan sát hình 1 và thực hiện yêu cầu:*  *+ Kể tên một số dân tộc sinh sống ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.*  *+ Nêu tên những tỉnh có mật độ dân số dưới 100 người/km2 và từ 100 đến 500 người/km2.*  *+ Nhận xét về sự phân bố dân cư ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.*  - GV mời đại diện một số nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và kết luận:  *+ Một số dân tộc sinh sống ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ: Kinh, Mường, Tày, Nùng, Thái, Mông, Dao…*  *+ Những tỉnh có mật độ dân số dưới 100 người/km2: Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La.*  *Những tỉnh có mật độ dân số từ 100 đến 500 người/km2: Lào Cai, Hà Giang, Yên Bái, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Phú Thọ, Hòa Bình, Bắc Giang, Quảng Ninh.*  *+ Nhận xét về sự phân bố dân cư:*   * *Dân cư thưa thớt* * *Phân bố có sự khác nhau giữa miền núi và trung du. Ở những vùng cao thì dân cư thưa hơn các vùng thấp và đô thị.*   **\* Hoạt động sản xuất**  **Hoạt động 2: Tìm hiểu về hoạt động làm ruộng bậc thang**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS kể được cách thức làm ruộng bậc thang ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.  **b. Cách tiến hành**  - GV chia lớp thành các nhóm (4HS/nhóm) và nêu nhiệm vụ: *Đọc thông tin và quan sát hình 2 (SHS tr.21), em hãy cho biết*  *+ Ruộng bậc thang thường được làm ở đâu? Người dân làm ruộng bậc thang như thế nào?*  *+ Người dân thường trồng cây gì trên ruộng bậc thang?*  - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và kết luận:  *+ Ruộng bậc thang thường được làm ở sườn núi, sườn đồi có nguồn nước từ khe suối, có khả năng tạo mặt bằng, ít sỏi đá.*  *+ Người dân làm ruộng bậc thang bằng cách san thành các mặt bằng ruộng nối tiếp nhau như bậc thang và làm bờ để giữ nước, chặn đất khỏi bị xói mòn.*  *+ Người dân thường trồng lúa nước trên ruộng bậc thang.*  **\* CỦNG CỐ**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* DẶN DÒ**  - GV nhắc nhở HS:  + Đọc lại bài học *Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hóa ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.* | - HS đọc phần khởi động.  - HS chia sẻ.  - HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài học.    - HS thảo luận nhóm.    - Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận.  - HS lắng nghe, tiếp thu.    - HS thảo luận nhóm, thực hiện các nhiệm vụ được giao.    - Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận; các nhóm còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).  - HS lắng nghe, tiếp thu.        - HS lắng nghe |

**IVĐiều chỉnh sau tiết dạy:**

.........................................................................................................................................

....................................................................................................................................................................................................................................................................................

     ----------------------------------------------------------------------------

**TIẾT 2: HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO CHỦ ĐỀ: NIỀM TỰ HÀO CỦA EM.**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

*Sau tuần học này, HS sẽ:*

* Giới thiệu được đặc điểm, những việc làm đáng tự hào của bản thân.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Năng lực giao tiếp, hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
* *Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

*Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề. ***Năng lực riêng:***

* Cùng chơi *Vòng quay tự hào*.
* Sáng tạo tác phẩm *Niềm tự hào của tôi.*

**3. Phẩm chất**

* *Tự tin, trách nhiệm:* tự tin thể hiện niềm tự hào của bản thân,có ý thức tự giác; tinh thần trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

**II. PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC**

**1. Phương pháp dạy học**

* Hoạt động nhóm, thực hành, trực quan.
* Nêu vấn đề và giải quyết vấn đề.

**2. Thiết bị dạy học**

**a. Đối với giáo viên**

* Giáo án, SGK, VBT Hoạt động trải nghiệm 4.
* Giấy, bút, bút màu,...
* Dụng cụ để thể hiện niềm tự hào của bản thân trên lớp.

**b. Đối với học sinh**

* SGK, VBT Hoạt động trải nghiệm 4.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Sau khi tham gia hoạt động, HS có khả năng  - Tạo tâm thế cho HS, giúp đỡ HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú với bài học mới.  **b. Cách tiến hành**  - GV mở cho học sinh nghe một video về việc tốt của bạn nhỏ:  [Cậu bé "người tốt, việc tốt" nhỏ tuổi - YouTube](https://www.youtube.com/watch?v=BA_H8n_Dpks)  - GV đặt câu hỏi: *Video đã gửi tới các em thông điệp gì?*  - GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi.  - GV nhận xét, chốt đáp án*: Video đã cho thấy mỗi bạn nhỏ chúng ta ai cũng có tài năng hay điều mà các em đáng tự hào về bản thân.*  - GV tổng kết và dẫn dắt vào bài học: *Video mở đầu cho học mới của chúng ta. Chúng ta cùng đi vào bài học hôm nay nhé –* ***Tuần 6 – Tiết 2: Hoạt động giáo dục theo chủ đề: Niềm tự hào của em.***  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 3: Cùng chơi Vòng quay tự hào**  **a. Mục tiêu:** Sau khi tham gia hoạt động, HS có khả năng  - Giới thiệu được những việc làm đáng tự hào của bản thân.  - Thể hiện và trải nghiệm cảm xúc tích cực khi tham gia trò chơi.  **b. Cách tiến hành:**  - GV nhắc nhở HS chuẩn bị giấy, bìa cứng, bút, bút màu, hồ dán, kéo,...  -  GV chuẩn bị vòng quay có tên HS được thiết kế trên máy tính hoặc vòng quay trên giấy bìa có ghi tên HS trong lớp, mũi tên có thể xoay chuyển được.  - GV giới thiệu trò chơi Vòng quay tự hào và phổ biến cách chơi  + Trên bảng là một vòng tròn quay có tên các bạn trong lớp và mũi tên bên cạnh.’  + HS quay mũi tên vòng tròn, khi mũi tên dừng ở tên bạn nào, bạn đó sẽ đứng lên chia sẻ một việc làm đáng tự hào của bản thân.  + Sau khi bạn đi chia sẻ xong, vòng quay sẽ tiếp tục quay để lần lượt tìm ra các bạn tiếp theo đứng lên chia sẻ.    - GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi *Vòng quay tự hào.*  - GV mời 1 số HS chia sẻ cảm nghĩ về những việc làm đáng tự hào của các bạn trong lớp và cảm xúc sau khi tham gia trò chơi.  - GV tổng kết hoạt động và đưa kết luận: ***Hằng ngày mỗi chúng ta đều cố gắng thực hiện các việc làm tốt khác nhau. Chia sẻ việc làm đáng tự hào của bản thân sẽ giúp chúng ta có nhiều niềm vui và thêm động lực để làm nhiều việc tốt khác.***  **Hoạt động 4: Sáng tạo tác phẩm niềm tự hào của tôi.**  **a. Mục tiêu:** Sau khi tham gia hoạt động, HS có khả năng  - Sáng tạo được tác phẩm Niềm tự hào của tôi để giới thiệu những việc làm đáng tự hào của bản thân.  - Biết cách phát huy việc làm đáng tự hào của bản thân.  **b. Cách tiến hành:**  - GV hướng dẫn HS sáng tạo tác phẩm Niềm tự hào của tôi theo gợi ý sau:    *+ Suy nghĩ về ý tưởng thể hiện tác phẩm có nội dung giới thiệu những việc làm đáng tự hào của bản thân.*  *+ Lựa chọn hình thức phù hợp: viết, vẽ cắt, dán,...*  *+ HS lựa chọn ý tưởng và tiến hành sáng tạo tác phẩm Niềm tự hào của tôi.*  - GV tổ chức cho HS giới thiệu tác phẩm của mình trước lớp.  - GV mời một số HS bày tỏ cảm nghĩ về tác phẩm sáng tạo mình ấn tượng nhất.  - GV mời một số HS chia sẻ dự kiến phát huy những việc làm đáng tự hào của bản thân trong thời gian tới.  - GV tổng kết hoạt động và đưa ra kết luận:***Tác phẩm niềm tự hào của tôi là một bảng ghi nhận những việc làm tốt mà các em đã làm. Hãy tiếp tục phát huy những việc làm tốt trong cuộc sống hàng ngày để các em luôn cảm thấy tự hào về bản thân mình nhé!***  **Hoạt động 3: Hoạt động tiếp nối.**  - GV hướng dẫn HS phát huy việc làm đáng tự hào của bản thân trong cuộc sống hàng ngày.  **\* CỦNG CỐ**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* DẶN DÒ**  - GV nhắc nhở HS:  + Ôn lại các kiến thức đã học hôm nay.  + Trò chuyện với người thân về những khảo sát và đánh giá của nhóm em hoặc của các nhóm khác trong lớp về thực trạng cảnh quan của trường học. | - HS quan sát video về việc làm đáng tự hào của bạn nhỏ.  - HS lắng nghe câu hỏi.  - HS trả lời câu hỏi.  - HS lắng nghe và tiếp thu.  - HS lắng nghe GV giới thiệu bài học.    - HS chuẩn bị dụng cụ học tập.  - HS quan sát vòng quay.    - HS lắng nghe.    - HS  tham gia trò chơi.  - HS chia sẻ trước lớp. HS khác lắng nghe.  - HS lắng nghe, tiếp thu.    - HS lắng nghe hướng dẫn.    - HS chia sẻ các tác phẩm trước lớp.  - HS nêu cảm nghĩ về tác phẩm sáng tạo nhất.  - HS chia sẻ dự kiến phát huy những việc làm đáng tự hào của bản thân trong thời gian tới.  - HS lắng nghe.    - HS lắng nghe.  - HS vỗ tay tuyên dương những bạn làm tốt và động viên những bạn còn nhút nhát.  - HS lắng nghe. |

**IVĐiều chỉnh sau tiết dạy:**

.........................................................................................................................................

....................................................................................................................................................................................................................................................................................

     -----------------------------------------------------------------------------------------

Ngày soạn: 9/10/2023

Ngày dạy thứ Năm ngày 12/10/2023

TIẾNG VIỆT:

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU: LUYỆN TẬP VỀ NHÂN HÓA**

***(1 tiết)***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

Sau bài học này, HS sẽ:

* Nhận biết biện pháp nhân hóa trong các bài thơ, đoạn văn,... Viết được các câu văn có sử dụng biện pháp nhân hóa.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* biết thảo luận nhóm về nội dung và cách sử dụng biện pháp nhân hóa.
* *Năng lực tự chủ và tự học:* tự làm BT.

***Năng lực văn học:***

* Nhận biết tác dụng của biện pháp nhân hóa trong việc tăng tính gợi hình, gợi tả cho bài văn, bài thơ. Biết cách sử dụng từ ngữ nhân hóa một cách gợi tả, giàu hình ảnh.

**3. Phẩm chất**

* Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái, phát hiện ra những điều thú vị về sự vật, tả những điều thú vị đó với tình cảm yêu mến.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**a. Đối với giáo viên**

* SGK Tiếng Việt 4 (tập 1), SGV Tiếng Việt 4 (tập 1).
* Bảng phụ máy chiếu (nếu có).

**b. Đối với học sinh**

* SGK Tiếng Việt 4 (tập 1), SBT.

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC**

* Phương pháp dạy học chính: Tổ chức hoạt động.
* Hình thức dạy học chính: HĐ độc lập (làm việc độc lập.

**IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT  ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu**  - GV kiểm tra sự chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.  - Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước làm quen bài học.  **b. Cách tiến hành**  - GV dẫn dắt vào bài học: *Trong tiết học trước, các em đã học về biện pháp nhân hoá và 3 kiểu nhân hoá. Hôm nay, chúng ta sẽ vận dụng các kiến thức đã học để tìm hiểu biện pháp nhân hoá trong các bài thơ, đoạn văn và thực hành viết các câu có biện pháp nhân hoá.*  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Tìm hiểu biện pháp nhân hóa trong bài thơ Ông Mặt trời óng ánh.**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS sẽ:  - Nắm được kiến thức về biện pháp nhân hóa.  - Trả lời được những câu hỏi trong bài và vận dụng vào những BT có liên quan.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV mời 1 – 2 HS đọc yêu cầu của BT1: *Đọc bài thơ sau và trả lời câu hỏi:*  *ÔNG MẶT TRỜI ÓNG ÁNH*  *Ông Mặt Trời óng ánh*  *Toả nắng hai mẹ con*  *Bóng con và bóng mẹ*  *Dắt nhau đi trên đường.*  *Ông nhíu mắt nhìn em*  *Em nhíu mắt nhìn ông*  *“Ông ở trên trời nhé!*  *Cháu ở dưới này thôi!".*  *Ông Mặt Trời óng ánh*  *Hai ông cháu cùng cười*  *Mẹ cười, đi bên cạnh.*  *Ông Mặt Trời óng ánh...*  *NGÔ THỊ BÍCH HIỀN*  *a) Sự vật nào được nhân hoá trong bài thơ?*  *b) Sự vật đó được nhân hoá bằng cách nào?*  - GV tổ chức giao nhiệm vụ cho HS tìm hiểu bài thơ *Ông mặt trời óng ánh*, thảo luận nhóm đôi để thảo luận câu hỏi của BT1.  - GV mời 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.  - GV nhận xét, đánh giá, sửa lỗi (nếu có) và nêu đáp án đúng:  *a) Sự vật được nhân hoá trong bài thơ là Mặt Trời.*  *b) Mặt Trời được nhân hoá bằng 3 cách:*   * *Gọi sự vật bằng từ ngữ dùng để gọi người: ông Mặt Trời.* * *Tả sự vật bằng từ ngữ dùng để tả người: ông Mặt Trời nhíu mắt, cười.* * *Nói với sự vật thân mật như nói với người :“Ông ở trên trời nhé! Cháu ở dưới này thôi!”.*   **Hoạt động 2: Xác định kiểu nhân hóa trong một số đoạn văn, đoạn thơ.**  **a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS:**  - HS nắm được kiến thức về biện pháp tu từ nhân hóa.  - Vận dụng vào hoàn thiện BT và trả lời những câu hỏi có liên quan.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV mời 1 – 2 HS đọc to thông tin về 3 kiểu nhân hóa, các HS khác đọc thầm theo:  *+ Gọi sự vật bằng từ ngữ dùng để gọi người.*  *+ Tả sự vật bằng từ ngữ dùng để tả người.*  *+ Nói với sự vật như nói với người.*  - GV mời 3 bạn HS đọc to 3 đoạn văn, đoạn thơ trong BT2:  *a) Buổi sớm, khi cậu gà ri te tái chạy ở trong chuồng ra, dẫn đầu ba chị gà, một bác ngan với một lũ con líp nhíp và mấy thím vịt thì ở nóc chuồng, chọi ta cũng nhảy xuống, hai cái chân gieo bịch trên nền đất.*  *Theo TÔ HOÀI*  *b)*  *Bắt đền trăng đấy*  *Trốn vào sau mây*  *Để buồn cỏ cây*  *Khóc mưa thút thít.*  *Trái bòng chẳng thiết*  *Nằm ườn trên mâm*  *Quả na lặng câm*  *Mắt nhìn xa vắng.*  *NGUYỄN ĐÌNH XUÂN*  *c) Khi cô sách giáo khoa nói đến những cuốn sách như thế, cả hộp chữ chúng tôi xôn xao hẳn lên, tất cả reo nhảy mừng rõ. Chúng nó tranh nhau hỏi hết câu này đến câu khác làm cho cô không còn biết trả lời thế nào.*  *Theo TRẦN HOÀI DƯƠNG*  - GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc nhóm đôi: *tìm ra các từ ngữ nhân hóa trong 3 đoạn văn, đoạn thơ, xác định kiểu nhân hóa được sử dụng.*  - GV mời vài HS trả lời các câu hỏi trước lớp, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, sửa lỗi (nếu có) và nếu đáp án đúng:  *a) 2 kiểu nhân hoá: gọi sự vật bằng từ ngữ dùng để gọi người (cậu gà ri, chị gà, bác ngan, thím vịt, chọi ta); tả sự vật bằng từ ngữ dùng để tả người (te tái chạy, dẫn đầu).*  *Lưu ý: GV cần giải thích cho HS về nhân vật chọi trong đoạn văn (gà chọi là loại gà trống chân cao, da đỏ, cựa lớn, nuôi để chơi chọi gà; trong đoạn văn, chọi là một chú gà mới lớn).*  *b) 2 kiểu nhân hoá: tả sự vật bằng từ ngữ dùng để tả người (trăng trốn vào sau mây; cỏ cây buồn, khóc mưa thút thít; trái bòng chẳng thiết, nằm ườn; quả na lặng câm, mắt nhìn xa vắng); nói với sự vật thân mật như nói với người ("Bắt đền trăng đấy").*  *c) 2 kiểu nhân hoá: gọi sự vật bằng từ ngữ dùng để gọi người (có sách giáo khoa, hộp chữ chúng tôi, chúng nó); tả sự vật bằng từ ngữ dùng để tả người (cô sách giáo khoa nói, không còn biết trả lời thế nào; hộp chữ xôn xao hẳn lên, (chữ) reo nhảy mừng rỡ, tranh nhau hỏi hết câu này đến câu khác).*  **Hoạt động 3: Viết 3 câu tả đồ vật hoặc con vật, cây cối có hình ảnh nhân hóa**  **a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS:**  - HS nắm được kiến thức về biện pháp tu từ nhân hóa.  - Vận dụng vào viết câu tả đồ vặt, con vật, cây cối có hình ảnh nhân hóa.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV mời 1 – 2 HS xác định yêu cầu của BT3: *Viết 3 câu tả đồ vật hoặc con vật, cây cối trong câu có hình ảnh nhân hóa.*  - GV tổ chức giao nhiệm vụ cho HS làm việc cá nhân, tự viết 3 câu tả đồ vật, con vật, cây cối có hình ảnh nhân hóa.  - GV mời 1 – 2 HS đọc to câu văn đã viết trước lớp, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV hướng dẫn HS nhận ra sự việc được nhân hóa, từ ngữ nhân hóa và kiểu nhân hóa trong các câu văn đó, có thể nêu ví dụ:  *Cậu bút chì này thật là nghịch. Em muốn kẻ đường thẳng, cậu ta lại nhảy nhót, thè lưỡi trêu em và lượn một vòng tròn. Này bút chì, nghịch vừa thôi, vào hộp bút ngồi nhé.*  *\* Chú ý: HS có thể viết 3 câu rời, không nhất thiết phải viết thành các câu liên kết như ví dụ trên đây.*  *-* GV nhận xét, đánh giá hoạt động của lớp. | - HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài mới.    - HS đọc yêu cầu BT.    - HS tìm hiểu bài, thảo luận nhóm.  - HS chia sẻ kết quả.  - HS lắng nge, tiếp thu.      - HS đọc theo hướng dẫn của GV.    - HS đọc bài.    - HS làm việc nhóm.  - HS trả lời.  - HS lắng nghe, tiếp thu.    - HS đọc yêu cầu BT.  - HS hoạt động theo hướng dẫn của GV.  - HS chia sẻ bài.  - HS lắng nghe, tiếp thu.    - HS lắng nghe, tiếp thu. |

**VĐiều chỉnh sau tiết dạy:**

.........................................................................................................................................

....................................................................................................................................................................................................................................................................................

     -----------------------------------------------------------

TOÁN: **Bài 20: ĐƠN VỊ ĐO GÓC. ĐỘ (°)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

1. Năng lực đặc thù:

*- Năng lực tư duy và lập luận toán học:* Có biểu tượng về đại lượng đo góc, nhận biết được mỗi góc có một số đo. Biết được đơn vị đo góc là độ, kí hiệu là o. Nhận biết được góc vuông có số đo là 90o ; góc bẹt có số đo là 180o.

*- Năng lực Giải  quyết vấn đề toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán:* Làm quen với thước đo góc, sử dụng được thước đo góc để đo một số góc đơn giản. Đọc được số đo của một góc theo đon vị đo độ.

*- Năng lực giao tiếp toán học:* Nêu được cách dùng thước đo góc.

2. Năng lực chung:

*- Tự chủ và tự học:* Học sinh tích cực, chủ động suy nghĩ và thực hành.

*- Giao tiếp và hợp tác:* Trao đổi, thảo luận với bạn bè về cách dùng thước đo góc*.*

*- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Đề xuất được các cách để tạo góc với độ lớn khác nhau trong thực tế cuộc sống.

3. Phẩm chất: Hình thành sự chăm chỉ, ý thức trách nhiệm đối với bản thân và tập thể. Nhân ái: Biết giúp đỡ bạn khi bạn gặp khó khăn trong học tập

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Thước đo góc, mô hình các góc với các số đo 180o;  120o; 90o; 60o.

           Bảng phụ vẽ các góc bài tập 1.

- HS: Thước đo góc

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV*** | ***Hoạt động của HS*** |
| ***1. Hoạt động mở đầu***  \* Mục tiêu: Tạo không khí vui tươi, hào hứng cho tiết học, dẫn dắt vào bài mới.  \* Cách tiến hành: | |
| - Cho HS chơi trò chơi: “Tạo hình ảnh của góc”    - Nêu đặc điểm của mỗi góc? Em nhận biết bằng dụng cụ gì?  - Làm thế nào để biết được góc nào lớn hơn, góc nào bé hơn mà không cần dùng ê ke, cô trò mình sẽ tìm cách đo độ lớn các góc qua bài: ***Đơn vị đo góc. Độ (°)*** | - Chơi trò chơi: Nối tiếp từng cặp 2 bạn lên trước lớp, 1 bạn dùng cánh tay, khuỷu tay để tạo hình ảnh của góc nhọn, góc tù, góc bẹt. 1 bạn khác gọi tên góc và chỉ ra đỉnh và cạnh của góc.  - Lớp nhận xét, bình chọn cặp bạn thể hiện trò chơi xuất sắc nhất.  - HS nối tiếp nêu đặc điểm góc nhọn, góc tù, góc bẹt. Nhận biết bằng ê ke |
| ***2. Hoạt động hình thành kiến thức mới***  \* Mục tiêu: Có biểu tượng về đại lượng đo góc, nhận biết được mỗi góc có một số đo. Biết được đơn vị đo góc là độ, kí hiệu là o. Nhận biết được góc vuông có số đo là 90o ; góc bẹt có số đo là 180o. Làm quen với thước đo góc  \* Cách tiến hành: | |
| *2.1. Hình thành biểu tượng về độ lớn của góc:*  - Cho HS quan sát hình ảnh 1 góc, gọi tên góc.  - GV vạch đường cong từ cạnh này đến cạnh kia và giới thiệu về độ lớn của góc.  *2.2. Giới thiệu thước đo góc*.  - GV cho HS quan sát thước đo góc.  - Yêu cầu HS quan sát và nêu đặc điểm nhận dạng thước đo góc.    - GV: + Để đo góc, người ta dùng thước đo góc như thế này. Đơn vị đo góc là độ, kí hiệu là o, đọc là “độ”.  + (chỉ và giới thiệu) Người ta chia góc một góc vuông thành 90 phần bằng nhau, mỗi phần là 1 độ, kí hiệu là 1o. Các số trên thước cho ta biết số đo góc nào đó ứng với đơn vị độ. VD 90o; 180o. Số đo góc vuông là 90o; Số đo góc bẹt là 180o;  Như vậy, mỗi góc có một số đo. | - HS thực hiện gọi tên góc.  - HS quan sát  - HS chỉ và nêu độ lớn của của một số góc tiếp theo.  - HS quan sát, lấy thước đo góc trong bộ đồ dùng.  - Thước đo góc có hình dạng một nửa hình tròn; các vạch nửa hình tròn nhỏ và lớn, các vạch kẻ và có các số từ 0 đến 180 (gắn với vạch nửa hình tròn nhỏ tính từ phải sang) và ngược  lại (gắn với vạch nửa hình tròn lớn tính từ trái sang)  - HS quan sát kết hợp lắng nghe.  - HS nối tiếp đọc một vài số đo góc vuông, góc bẹt....VD: Góc đỉnh I, cạnh IB; IA có số đo là 60o. |
| ***3. Hoạt động luyện tập thực hành***  \* Mục tiêu: sử dụng được thước đo góc để đo một số góc đơn giản. Đọc được số đo của một góc theo đơn vị đo độ.  \* Cách tiến hành: | |
| **Bài 1**. GV gọi HS đọc yêu cầu, quan sát hình minh họa.  - Gv HD mẫu: Để đo một góc bằng thước đo góc, ta đặt thước sao cho tâm của thước trùng với đỉnh của góc và một cạnh của góc đi qua vạch số 0 trên thước. Cạnh kia đi qua vạch nào thì đó là số đo của góc.  - YC HS hoạt động cá nhân    - Nhận xét chốt kết quả đúng  H: Em có nhận xét gì về số đo góc nhọn, góc tù, góc bẹt, góc vuông?  GVKL: Góc nào có số đo lớn hơn thì lớn hơn  **Bài 2.** GV gọi HS đọc yêu cầu.  - YC HS hoạt động nhóm đôi, quan sát từng hình trong sách.    - Nhận xét chốt kết quả đúng    **\* Củng cố-dặn dò:**  H: Qua tiết học này em biết thêm điều gì?  H: Để đo được độ lớn của góc, em nhắn bạn điều gì?  - Dặn HS về nhà tự tìm thêm các hình ảnh trong thực tiễn cuộc sống có liên quan đến góc và sự thay đổi độ lớn của góc. | - HS đọc yêu cầu, quan sát hình minh họa.  - HS quan sát mẫu, làm theo.    - HS thực hành đo góc và đọc số đo góc.  - Nối tiếp nêu kết quả, lớp nhận xét, bổ sung.  Đáp án:  Góc đỉnh M, cạnh DC; DE có số đo là 60o  Góc đỉnh D, cạnh DC; DE có số đo là 120o  Góc đỉnh O, cạnh OB; OA có số đo là 90o  Góc đỉnh H, cạnh HG; HK có số đo là 180o  - Góc nhọn là góc có số đo bé hơn 90o, góc tù là góc có số đo lớn hơn 90o, góc bẹt là góc có số đo bằng 180o, góc vuông là góc có số đo bằng 90o.  - HS đọc yêu cầu.  - Hoạt động nhóm đôi: Nhận biết đỉnh, cạnh từng góc. Dùng thước đo góc để đo và ghi lại số đo của góc  - Nối tiếp chia sẻ kết quả trước lớp  - Nhận xét, bổ sung  Góc đỉnh H, cạnh HI; HG có số đo là ...........o  Góc đỉnh L, cạnh LM; LK có số đo là .........0o  Góc đỉnh Y, cạnh YX; YZ có số đo là 180o  Góc đỉnh Q, cạnh QP; QR có số đo là 90o.  - Biết cách sử dụng thước đo góc; biết đặc điểm độ lớn của góc nhọn, góc vuông, góc tù, góc bẹt.  - Tích cực thực hành sử dụng thước đo góc cho thành thạo. |

**IV Điều chỉnh sau tiết dạy:**

.........................................................................................................................................

....................................................................................................................................................................................................................................................................................

     -----------------------------------------------------------

**ÂM NHẠC: Ôn tập bài hát: Cò lả**

**Nghe nhạc: Lí kéo chài**

Thời lượng:1 tiết; Thời gian thực hiện .../10/2023

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Phát triển năng lực âm nhạc**

- Hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái bài *Cò lả.*

- Hát rõ lời và thuộc lời, biết hát kết hợp gõ đệm và vận động.

- Nghe bài *Lí kéo chài* kết hợp vận động cơ thể hoặc gõ đệm phù hợp với nhịp điệu.

**2. Phát triển năng lực và phẩm chất**

- Về năng lực chung: Góp phần phát triển năng lực tự chủ và tự học (qua hoạt động cá nhân khi thể hiện bài hát Cò lã, nhe nhạc bài Lí kéo chài ); Năng lực giao tiếp và hợp tác (qua hoạt động cặp đôi; nhóm; tổ và cả lớp khi thể hiện bài hát Cò lã, bài nghe nhạc); Năng lực Sáng tạo (qua hoạt động biều diễn bài hát Cò lã, nghe nhạc Lí kéo chài).

   - Về phẩm chất:  Góp phần giáo dục HS yêu quý các làn điệu dân ca ở các vùng miền khác nhau và trân trọng người lao động. Biết thể hiện tình cảm yêu quê hương, yêu đất nước.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Giáo viên:**

- Máy tính, file âm thanh, hình ảnh, video, SGK

   - Đàn phím điện tử, nhạc cụ gõ (Thanh phách,  Song loan, Trống con…..)

**2. Học sinh:**

- Sách Âm nhạc, vở ghi nhạc

- Nhạc cụ gõ ( Thanh phách, Song loan …)

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Hoạt động khởi động: 3 Phút**     \* Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải mái, phấn khởi trước khi vào giờ học. | |
| **\*. *Cách tiến hành:***  - Yêu cầu HS: Vận động cơ thể theo nhịp độ thay đổi  - Nhận xét, tuyên dương và liên hệ vào bài học | ***\* Hoạt động cả lớp***  - Cả lớp thực hiện với các nốt nhạc:  Đô: Giậm chân; Mi: vỗ tay xuống đùi  Son: búng ngón tay; Đô: Vỗ tay lên cao |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới: 25 – 27 Phút**  ***Nội dung 1:  Ôn hát: Cò lả***  ***\* Mục tiêu:*** - Hát hòa giọng, kết hợp vận động phụ họa bài hát                       - Biết sử dụng nhạc cụ khi gõ                        - HS biết hát đúng giai điệu và đúng lời ca. | |
| ***\*.Cách tiến hành:***  - Cho HS nghe lại bài hát,  - Cho HS hát cùng nhạc đệm 1-2 lần, tập lấy hơi và thể hiện sắc thái.  - Hướng dẫn hs hát theo hình thức xướng và xô:    - Theo dõi nhận xét, sửa sai  **\* Hát và kết hợp vận động phụ họa bài hát:**  - Gợi ý hướng dẫn HS hát kết hợp vận động phụ họa    - Mời HS xung phong hát kết hợp thể hiện động tác minh họa.  - Hướng dẫn HS tập biểu diễn bài hát *Cò lả* theo hình thức đơn ca, song ca, tốp ca, đồng ca kết hợp vận động  - Nhận xét, tuyên dương động viên HS | ***\* Hoạt động cả lớp***  - Có thể vỗ tay hoặc Đứng tại chỗ thực hiện vận động nhẹ nhàng.  - Hát cùng nhạc đệm 1-2 lần, tập lấy hơi và thể hiện sắc thái.  - Lắng nghe***,*** hát theo hướng dẫn   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Phần1 (Lĩnh xướng) | Một hs hát | Con cò ... ra cánh đồng | | Phần2 (xô) | Cả lớp hát | Tình tính tang …nhớ hay chăng”. |   - Theo dõi, cá nhân tự thực hiện theo gợi ý.   |  |  | | --- | --- | | **Câu hát** | **Động tác** | | *Con cò, cò bay lả, lả bay la.* | Hai tay dang rộng làm động tác chim bay. | | *Bay từ, từ cửa phủ, bay ra, ra cánh đồng.* | Tay trái chống hông, tay phải đưa lên cao từ trong ra ngoài, và làm tương tự với tay trái. | | *Tình tính tang tang tính tình* | Hai tay mô phỏng động tác chơi đàn sau đó đổi bên. | | *Ơi bạn rằng, ơi bạn ơi,* | Hai tay chụm lên miệng như chim hót | | *rằng có biết, biết hay chăng,* | Ngón trỏ tay trái chỉ vào miệng, tay phải chống hông. Làm tương tự với tay phải. | | *rằng có nhớ, nhớ hay chăng.* | Hai tay lần lượt vắt chéo trước ngực sau đó mở rộng ngang ngực từ trong ra ngoài. |   - Xung phong hát kết hợp thể hiện động tác minh họa  - Thực hiện trình bày, biểu diễn theo các hình thức Cả lớp, Tổ, nhóm  - Lớp nhận xét bạn |
| **Nội dung 2:**  **Nghe nhạc: *Lí kéo chài*** *(khoảng 15 phút)*     \* Mục tiêu: - Biết lắng nghe và biểu lộ cảm xúc theo giai điệu, lời ca  - Nghe bài *Lí kéo chài* kết hợp vận động cơ thể hoặc gõ đệm phù hợp với nhịp điệu. | |
| **\* Cách tiến hành:**        - Giới thiệu ngắn gọn về xuất xứ và tên bài hát      - Cho HS nghe bản nhạc  (lần 1) và nêumột số câu hỏi.    - Cho HS nghe bản nhạc (lần 2) hướng dẫn các em nghe kết hợp gõ đệm, vận động cơ thể phù hợp với nhịp điệu.  - Cho HS nghe nhạc (lần 3) GV hát một câu khoảng 1-2 lần, ví dụ *Biển khơi thân thiết với ta, khoan hỡi khoan hò*, rồi mời HS hát lại.  Có thể thực hiện với câu hát khác hoặc cho HS xung phong hát lại những câu các em nhớ.  - Theo dõi, nhận xet, tuyên dương khích lệ. | \* **Hoạt động cả lớp: Nghe nhạc**  ***Lí kéo chài***                                                                                                 Dân ca Nam Bộ                                                                                              Đặt lời mới: Hoàng Lân    - Tìm hiểu về  xuất xứ và nội dung bài hát:  Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc với nền văn hóa lâu đời, do đó dân ca Việt Nam thật phong phú, đa dạng. Kho tàng dân ca Việt Nam bao gồm nhiều vùng miền, nhiều thể loại: Dân ca quan họ ở Bắc Ninh, Dân ca của các dân tộc miền núi phía Bắc, dân ca của các dân tộc Tây Nguyên (Gia-rai, Ê-đê, Ba-na, Xơ-đăng ) đều có bản sắc riêng. Tiết nhạc hôm nay cô sẽ giới thiệu đến các em thể loại đặc trưng của vùng miền chúng ta đó là dân ca Nam bộ với bài hát Lí kéo chài do nhạc sĩ Hoàng Lân đặt lời mới.  Bài hát thể hiện tinh thần lao động và niềm lạc quan, yêu đời của người dân đánh cá.  - Nghe bản nhạc lần 1 và trả lời một số câu hỏi:  *+ Nội dung bài hát nói về điều gì?*  *+ Bài hát sôi nổi hay nhẹ nhàng?*  *+ Nhịp độ bài hát nhanh hay chậm?*  *+ Giọng hát là của trẻ em hay của người lớn?*  *+ Người hát là nam hay nữ?*  *+ Hình thức hát là đơn ca hay tốp ca?...*  - Vừa nghe nhạc lần 2 kết hợp gõ đệm, vận động cơ thể phù hợp với nhịp điệu.  - Nghe nhạc lần 3 thực hiện theo sự hướng dẫn của GV, xung phong hát lại những câu các em nhớ |
| **3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm (3 phút)**  **\* Mục tiêu :** - Giúp HS nhớ lại nội dung bài học, về nhà biết vận dụng biểu diễn và sáng tạo thêm các động tác phụ họa cho bài hát. | |
| **\* Cách tiến hành**  - Cho nêu nội dung của bài học hôm nay?  - Khen ngợi các em có ý thức tập luyện, hát hay, vận động tốt. Động viên những em còn rụt rè, chưa mạnh dạn cần cố gắng hơn.  - Giáo dục các em phải luôn có tinh thần giữ gìn các bản sắc văn hoá dân tộc, giữ gìn các làn điệu dân ca.  - Dặn về nhà ôn lại bài hát Cò lả, vỗ tay và vận động phụ hoạc cho người thân xem | \* Hoạt động cả lớp  - Một số HS nêu  - Rút kinh nghiệm để bản thân thực hiện ngày một tốt hơn.  - Liên hệ bản thân: nêu những việc làm thiết thực để giữ gìn các bản sắc văn hoá dân tộc, giữ gìn và bảo vệ các làn điệu dân ca.  - Thực hành luyện tập ở nhà với sự giúp đỡ của gia đình. |

**IVĐiều chỉnh sau tiết dạy:**

.........................................................................................................................................

....................................................................................................................................................................................................................................................................................

------------------------------------------------------

## BÀI 6: VAI TRÒ CỦA KHÔNG KHÍ

## VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**:

Sau bài học này, HS sẽ:

* Giải thích được vai trò của không khí đối với sự cháy.
* Trình bày được vai trò của không khí đối với sự sống.
* Giải thích được nguyên nhân gây ra ô nhiễm không khí, sự cần thiết phải bảo vệ môi trường không khí.
* Thực hiện được việc làm phù hợp để bảo vệ môi trường không khí và vận động những người xung quanh cùng thực hiện.

**2. Năng lực**:

***Năng lực chung:***

* *Năng lực tự chủ, tự học:* Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học, biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.
* *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Tham gia tích cực vào các trò chơi, hoạt động khám phá kiến thức.
* *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

***Năng lực riêng:***

* Trình bày được vai trò và ứng dụng tính chất của không khí đối với sự sống.
* Quan sát và làm thí nghiệm để giải thích được vai trò của không khí đối với sự cháy.
* Giải thích được nguyên nhân gây ra ô nhiễm không khí; sự cần thiết phải bảo vệ bầu không khí trong lành.
* Thực hiện được một số việc làm phù hợp để bảo vệ môi trường không khí và vận động những người xung quanh cùng thực hiện.

**3. Phẩm chất**:

* *Phẩm chất nhân ái:* Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
* *Phẩm chất chăm chỉ*: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, làm tốt các bài tập.
* *Phẩm chất trách nhiệm*: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC:**

**1. Phương pháp dạy học**

* Vấn đáp, động não, trực quan, hoạt động nhóm.
* Nêu vấn đề, giải quyết vấn đề.

**2. Thiết bị dạy học**

**a. Đối với giáo viên:**

* Giáo án.
* Máy tính, máy chiếu.
* Các tranh ảnh, video liên quan đến bài học.
* Đồ dùng thí nghiệm theo nhóm :

+ 03 cây nến giống nhau.

+ 02 cốc thủy tinh có kích thước giống nhau.

**b. Đối với học sinh:**

* SHS, VBT.
* Dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. PHÂN BỐ THỜI LƯỢNG:**

* Tiết 1: Khởi động đến hết hoạt động 4
* Tiết 2: Hoạt động 5 đến hoạt động 8.

**IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên Hoạt động của học sinh** | |
| **Tiết 2.** | |
| **A. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC: NGUYÊN NHÂN GÂY Ô NHIỄM KHÔNG KHÍ**  **Hoạt động 5: Tìm hiểu nguyên nhân gây ô nhiễm không khí**  **a. Mục tiêu:** Giải thích được nguyên nhân gây ra ô nhiễm không khí.  **b. Cách thức thực hiện:**  - GV chia lớp thành các nhóm 4 HS.  -  GV yêu cầu HS quan sát hình 5 – 8 trang 26 SGK và trả lời các câu hỏi:  *+ Ở các hình 5 – 8 không khí bị ô nhiễm do đâu?*  *+ Có những nguyên nhân nào khác gây ô nhiễm không khí?*  + Ô nhiễm không khí gây tác hại như thế nào đối với con người, động vật, thực vật?    - GV gọi đại diện 1 – 2 nhóm lên bảng trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác nhận xét.      - GV đánh giá, nhận xét phần trình bày của HS, tuyên dương các nhóm trả lời tốt.  - GV treo tranh ảnh lên bảng tranh ảnh về hình ảnh ô nhiễm không khí do khói bụi.  Tình hình ô nhiễm không khí toàn cầu và tại Việt Nam - NoseWash  Rơm trên Amazon bán 100 USD/tấn, ở Việt Nam đem đốt, 3 tỷ USD cháy thành  tro bụi  Ô nhiễm không khí trên thế giới ngày càng trầm trọng | Báo Dân tộc và Phát  triển  Cảnh báo hiện tượng tử vong do đốt than, đốt củi trong nhà ngày giá rét |  Báo Dân tộc và Phát triển  **B. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG: NGUYÊN NHÂN GÂY Ô NHIỄM KHÔNG KHÍ**  **Hoạt động 6: Nhận xét về môi trường không khí nơi em sinh sống**  **a. Mục tiêu:** Nhận biết được môi trường không khí nơi em sống có bị ô nhiễm không. Nêu được một số nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường không khí ở địa phương em và những tác hại do môi trường không khí ô nhiễm gây ra.  **b. Cách thức thực hiện:**  ***Nhiệm vụ 1. Trả lời câu hỏi trắc nghiệm.***  - GV tổ chức cho HS bài tập trắc nghiệm:  **Câu 1:** Nguyên nhân gây ô nhiễm nào sau đây là từ tự nhiên?  A. Hoạt động sản xuất công, nông nghiệp  B. Núi lửa phun trào  C. Giao thông vận tải  D. Hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng  **Câu 2:** Nguyên nhân nào sau đây không gây ô nhiễm không khí?  A. Trời mưa  B. Vứt rác thải bừa bãi  C. Cháy rừng  D. Đốt rơm, rạ  **Câu 3:** Trong các hoạt động sau, hoạt động nào gây ô nhiễm không khí?  A. Dùng nước mưa để tưới cây  B. Đốt rác  C. Sục khí oxygen vào bể cá  D. Hoạt động quang hợp của cây  **Câu 4:** Biện pháp góp phần làm giảm thiểu ô nhiễm không khí?  A. Chặt cây, phá rừng.  B. Trồng cây xanh.  C. Đổ chất thải chưa qua xử lí ra môi trường.  D. Xây thêm nhiều khu công nghiệp.  **Câu 5:** Trong không khí chỗ Nam ở có quá nhiều khói bụi đến mức gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Có thể kết luận  A. Chỗ Nam ở gần các khu công nghiệp.  B. Nơi Nam ở có độ ẩm không khí cao.  C. Không khí ở chỗ Nam đang bị ô nhiễm.  D. Không khí ở đây chỉ ảnh hưởng đến sức khỏe con người mà không ảnh hưởng đến các sinh vật khác.  - GV mời HS trả lời, cả lớp nhận xét.    - GV nhận xét, chốt đáp án, tuyên dương các HS trả lời tốt.  ***Nhiệm vụ 2. Nhận xét về môi trường không khí nơi em sống***  - GV tổ chức HS làm việc theo nhóm 6 HS.  - GV yêu cầu HS đọc, thảo luận yêu cầu trong logo luyện tập, vận dụng trang 26 SGK và trả lời các câu hỏi.  *1. Môi trường em sống có trong lành không?*  *2. Nếu môi trường không khí bị ô nhiễm thì nguyên nhân gây ô nhiễm là gì?*  *3. Sống trong môi trường ô nhiễm không khí này gây ra những tác hại gì?*  - GV gọi đại diện 1 – 2 nhóm trả lời, cả lớp nhận xét, bổ sung.            - GV chữa bài, nhận xét và khen thưởng các HS trả lời tốt.  - GV dẫn dắt, đặt câu hỏi: *“Ở những nơi không khí bị ô nhiễm, những sinh vật sống ở dưới nước có bị ảnh hưởng không?”*  - GV gọi 1 – 2 HS trình bày ý kiến, cả lớp nhận xét.  - GV nhận xét, chốt lại đáp án.  - GV gọi hai HS đọc nội dung cung cấp kiến thức (con ong) ở trang 26 SGK.  *Ở những nơi không khí bị ô nhiễm, khi trời mưa, những chất độc hại có trong không khí hoà tan vào nước mưa. Nước mưa bị ô nhiễm rơi xuống gây hại cho những sinh vật sống trên cạn và dưới nước.*  - GV chiếu video về ô nhiễm không khí: <https://youtu.be/-Zo4hHk-dH4>  **C. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC: BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ**  **Hoạt động 7: Tìm hiểu sự cần thiết phải bảo vệ môi trường không khí và một số việc cần làm để bảo vệ môi trường không khí**  **a. Mục tiêu:**  - Giải thích được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường không khí trong lành.  - Nêu được một số việc làm phù hợp để bảo vệ môi trường không khí.  **b. Cách thức thực hiện:**  - GV chia lớp thành các nhóm 4 HS.  -GV yêu cầu HS đọc thông tin cuối trang 26 SGK, thảo luận để trả lời câu hỏi:  *Vì sao cần phải bảo vệ môi trường không khí?*    - GV gọi đại diện 1 – 2 nhóm lên bảng trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác nhận xét.      - GV đánh giá, nhận xét phần trình bày của HS, tuyên dương các nhóm trả lời tốt, đưa thêm được các ý kiến khác ngoài SGK.  -GV yêu cầu HS quan sát hình trang 27 SGK, thảo luận để trả lời câu hỏi:  *Cần làm gì để bảo vệ môi trường không khí?*    - GV gọi đại diện 1 – 2 nhóm lên bảng trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác nhận xét.      - GV đánh giá, nhận xét phần trình bày của HS, tuyên dương các nhóm trả lời tốt, đưa thêm được các ý kiến khác ngoài SGK.  **D. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG: BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ**  **Hoạt động 8: Liên hệ những hoạt động bảo vệ môi trường không khí ở địa phương**  **a. Mục tiêu:** Thực hiện được việc làm phù hợp để bảo vệ môi trường không khí trong lành và vận động những người xung quanh cùng thực hiện.  **b. Cách thức thực hiện:**  - GV tổ chức HS làm việc theo nhóm 6 HS.  - GV hướng dẫn HS thảo luận, tìm hiểu nhóm theo các yêu cầu:  *1. Lần lượt từng HS đưa ra những hoạt động bảo vệ môi trường không khí ở gia đình và địa phương mình. Cử một bạn ghi lại, bỏ những hoạt động trùng. Sau đó, trong mỗi hoạt động đếm xem có bao nhiêu HS đã thực hiện được.*  *2. Thảo luận để chọn một trong những chủ đề SGK nêu ra (hoặc chủ đề khác nếu có) để vận động những người xung quanh tham gia bảo vệ môi trường không khí.*  *3. Đưa ra kế hoạch (thời gian, địa điểm), cách thức thực hiện (viết khẩu hiệu, áp phích, tổ chức vận động trực tiếp theo nhóm,...), nội dung vận động (mời những người xung quanh cùng thực hiện vệ sinh nơi ở và nơi công cộng, cùng tham gia trồng cây xanh,...).*  - GV gọi đại diện 1 – 2 nhóm báo cáo trước lớp về nội dung thảo luận, các nhóm nhận xét chéo nhau.            - GV chữa bài, nhận xét và khen thưởng các nhóm báo cáo kết quả thảo luận tốt.  - GV gọi hai HS đọc nội dung kiến thức cốt lõi ở cuối trang 27 SGK.  *• Khói, bụi thải ra từ các nhà máy, các phương tiện giao thông công trình xây dựng, khi bốc lên từ những bãi rác; sông, ao, hồ bị ô nhiễm,... là những nguyên nhân gây ô nhiễm không khí.*  *• Để bảo vệ môi trường không khí, chúng ta cần: trồng nhiều cây xanh, tăng cường sử dụng phương tiện giao thông công cộng, vệ sinh nơi ở và nơi sinh hoạt chung, ...*  **\* CỦNG CỐ**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học theo nội dung:  + Vai trò của không khí.  + Nguyên nhân gây ô nhiễm không khí.  + Bảo vệ môi trường không khí.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* DẶN DÒ**  - Ôn tập kiến thức đã học*.*  - Đọc và chuẩn bị trước bài sau - ***Bài 7: Sự truyền ánh sáng.*** | - HS chia theo nhóm.  - HS thực hiện theo yêu cầu.    - Đại diện các nhóm xung phòng trình bày:  *+ Nguyên nhân gây ô nhiễm:*  *Hình 5 – Khói thải từ các nhà máy;*  *Hình 6 – Khói do cháy rừng;*  *Hình 7 – Khói bụi do ô tô;*  *Hình 8 – Rác thải.*  *+ Những nguyên nhân khác gây ô nhiễm không khí:*   * *Ô nhiễm từ gió bụi.* * *Núi lửa phun trào.* * *Các quá trình phân hủy, thối rữa của xác động – thực vật.*   *+ Tác hại của ô nhiễm không khí:*  *Con người, động vật, thực vật sống trong môi trường không khí bị ô nhiễm sẽ bị nhiễm bệnh. Đặc biệt con người sẽ dễ bị nhiễm bệnh phổi hoặc ung thư phổi do hít phải khói bụi chứa các chất độc hại.*  - HS chú ý lắng nghe.  - HS quan sát, nhận xét.    - HS chú ý lắng nghe.    - HS chọn đáp án:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | *Câu 1* | *Câu 2* | *Câu 3* | *Câu 4* | *Câu 5* | | *B* | *A* | *B* | *B* | *C* |     - HS chia thành các nhóm.  - HS thực hiện theo yêu cầu.    - HS trả lời:  *1. Môi trường trong lành hoặc ô nhiễm.*  *2. Môi trường ô nhiễm do ôong, hồ ao bị đổ rác,…*  *3. Tác hại: khó thở, nhức đầu,... khói gây ra bởi chảy rừng làm các động vật không thở được sẽ chết hoặc phải di cư sang vùng khác...*  *- Cắt tỉa cành cây, gia cố nhà cửa.*  *- Dự trữ nước, thực phẩm, thuốc men.*  *- Tìm nơi an toàn để trú ẩn.*  *+ Trong đó, em đã thực hiện những công việc: dự trữ nước, tìm nơi an toàn để trú ẩn, thường xuyên theo dõi thông tin về bão.*    - HS lắng nghe và suy nghĩ.  - HS trả lời:  *Ở những nơi không khí bị ô nhiễm, những sinh vật sống ở dưới nước cũng bị ảnh hưởng.*  - HS thực hiện đọc và ghi nhớ.    - HS chú ý quan sát.    - HS chia theo nhóm.  - HS thực hiện theo yêu cầu.    - Đại diện các nhóm xung phòng trình bày:  *Chúng ta cần phải bảo vệ môi trường không khí vì:*   * *Không khí có vai trò quan trọng đối với sự sống của con người, động vật, thực vật.* * *Không khí bị ô nhiễm gây hại cho sức khỏe của con nguòi, động vật, thực vật.* * *Nếu được sống trong môi trường không khí trong sạch, tuổi thọ của cong người sẽ cao hơn.*    - HS chú ý lắng nghe.  - HS thực hiện theo yêu cầu.    - Đại diện các nhóm xung phòng trình bày:  *Những việc làm phù hợp để bảo vệ môi trường không khí:*   * *Tăng cường đi bộ, đi xe đạp và sử dụng phương tiện công cộng thay cho việc sử dựng phương tiện cá nhân như ô tô, xe máy.* * *Tuyên truyền, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường.* * *Vệ sinh môi trường sạch sẽ.* * *Trồng nhiều cây xanh.* * *Xây dựng các khu công nghiệp cách xa nhà dân*   - HS lắng nghe, sửa bài.    - HS chia thành các nhóm.  - HS lắng nghe và thực hiện theo yêu cầu.    - Đại diện các nhóm xung phong báo cáo:  *1. Em, gia đình và địa phương nơi em sống đã có những hoạt động để bảo vệ môi trường không khí:*   * *Phát động phong trào trồng nhiều cây xanh, trồng cây gây rừng.* * *Phát động phong trào vệ sinh đường làng, ngõ xóm vào mối chiều thứ 7.* * *Sử dụng phương tiện công cộng như xe buýt thay cho ô tô, xe máy.* * *Đổ rác đúng nơi quy định.*   *2. Em chọn: Tham gia phong trào vệ sinh nơi ở và nơi công cộng.*  *3. Kế hoạch:*   * *Thời gian: Các buổi chiều.* * *Địa điểm: Tại nơi ở và nơi công cộng.* * *Viết khẩu hiệu, áp phích, tổ chức vận động trực tiếp theo nhóm, ...* * *Mời những người xung quanh cùng thực hiện vệ sinh nơi ở và nơi công cộng, cùng tham gia trồng cây xanh, ...*   - HS lắng nghe, sửa bài.  - HS thực hiện đọc và ghi nhớ.    - HS chú ý lắng nghe, ghi nhớ.    - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.    - HS chú ý, thực hiện theo yêu cầu của GV. |

**IV Điều chỉnh sau tiết dạy:**

.........................................................................................................................................

....................................................................................................................................................................................................................................................................................... ----------------------------------------------------------------------------------

Ngày soạn: 10/10/1023

Ngày dạy Thứ Sáu 13/10/2023

TIẾNG VIỆT:

**GÓC SÁNG TẠO: QUAN SÁT VƯỜN CÂY**

***(1 tiết)***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

Sau bài học này, HS sẽ:

* Biết nghe và ghi chép những thông tin được nghe, ghi chép kết quả quan sát về một vườn cây hoặc một loài cây.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* trao đổi với bạn về kết quả quan sát.
* *Năng lực tự chủ và tự học:* Biết quan sát, ghi chép kết quả quan sát.
* *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết giải quyết những khó khăn, vướng mắc xuất hiện trong quá trình quan sát.

**3. Phẩm chất**

* Bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên, thói quen tìm hiểu thực tế, ý thức thực hành.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**a. Đối với giáo viên**

* SGK Tiếng Việt 4 (tập 1), SGV Tiếng Việt 4 (tập 1).
* Bảng phụ máy chiếu (nếu có).

**b. Đối với học sinh**

* SGK Tiếng Việt 4 (tập 1), SBT.

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC**

* Phương pháp dạy học chính: Tổ chức hoạt động.
* Hình thức dạy học chính: HĐ độc lập (làm việc độc lập).
* **IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu**  - GV kiểm tra sự chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.  - Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước làm quen bài học.  **b. Cách tiến hành**  **-** GVtổ chức cho HSkết hợp với tiết Khoa học hoặc Hoạt động trải nghiệm: quan sát cây, tả cây cối quanh trường.  - GV dẫn dắt vào bài: *Trong các tiết học trước, các em đã được học về cách quan sát và tả cây cối. Tuy nhiên, chúng ta mới chỉ quan sát và tả từng cái cây hoặc một loài cây. Ở tiết học này, các em sẽ được nghe thầy, cô giới thiệu và tự mình quan sát vườn trường ta (hoặc một vườn cây) để biết nhiều điều thú vị về vườn cây này.*  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Nghe giới thiệu về khu vườn**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS sẽ:  - Nắm được yêu cầu bài tập.  - Lắng nghe, quan sát về khu vườn được GV giới thiệu.  **b. Tổ chức thực hiện**  **-** GV hoặc người hướng dẫn giới thiệu về khu vườn: *diện tích khu vườn, các loài cây và đặc điểm của chúng,...*  - GV mời 1 – 2 HS đọc câu hỏi để biết thêm nội dung: Nghe thây cô hoặc người hướng dẫn giới thiệu về khu vườn.  - GV tổ chức cho HS tự ghi chép những thông tin cần thiết.  **Hoạt động 2: Quan sát vườn cây**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS sẽ:  - Lắng nghe GV hướng dẫn.  - Quan sát và ghi chép vào sổ cá nhân.  **b. Tổ chức thực hiện**  **-** GV hướng dẫn HS quan sát vườn cây.  - GV hướng dẫn HS tự ghi chép những thông tin cần thiết.  - GV theo dõi, giải đáp thắc mắc cho HS (nếu cần).  **Hoạt động 3: Trao đổi về kết quả quan sát.**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS sẽ:  - Quan sát và ghi chép kết quả.  - Trao đổi kết quả quan sát trong nhóm hoặc trước lớp.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV mời 1 – 2 HS phát biểu về thu hoạch của mình, các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có) hoặc nêu câu hỏi cho bạn.  - GV nhận xét, đánh giá về hoạt động của lớp.  **\* CỦNG CỐ, DẶN DÒ**  - GV mời 1 – 2 HS nhận xét tiết học: Em thấy tiết học này có gì bổ ích, thú vị; có điều gì cần rút kinh nghiệm?  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS hoặc nhóm HS hoàn thành tốt BT.  - GV nhắc HS thự hiện tự đánh giá ở nhà. | - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài mới.    - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS đọc câu hỏi theo hướng dẫn của GV.  - HS ghi chép lại những thông tin cần thiết sau khi lắng nghe.    - HS quan sát vườn cây.  - HS ghi chép những thông tin cần thiết.  - HS lắng nghe, tiếp thu.    - HS phát biểu.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, thực hiện. |

**VĐiều chỉnh sau tiết dạy:**

.........................................................................................................................................

....................................................................................................................................................................................................................................................................................

     -----------------------------------------------------------

TOÁN:

**Bài 20: ĐƠN VỊ ĐO GÓC. ĐỘ (°) ( TT)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

1. Năng lực đặc thù:

*- Năng lực tư duy và lập luận toán học:* Có biểu tượng về đại lượng đo góc, nhận biết được mỗi góc có một số đo. Biết được đơn vị đo góc là độ, kí hiệu là o. Nhận biết được góc vuông có số đo là 90o ; góc bẹt có số đo là 180o.

*- Năng lực Giải  quyết vấn đề toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán:* Làm quen với thước đo góc, sử dụng được thước đo góc để đo một số góc đơn giản. Đọc được số đo của một góc theo đon vị đo độ.

*- Năng lực giao tiếp toán học:* Nêu được cách dùng thước đo góc.

2. Năng lực chung:

*- Tự chủ và tự học:* Học sinh tích cực, chủ động suy nghĩ và thực hành.

*- Giao tiếp và hợp tác:* Trao đổi, thảo luận với bạn bè về cách dùng thước đo góc*.*

*- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Đề xuất được các cách để tạo góc với độ lớn khác nhau trong thực tế cuộc sống.

3. Phẩm chất: Hình thành sự chăm chỉ, ý thức trách nhiệm đối với bản thân và tập thể. Nhân ái: Biết giúp đỡ bạn khi bạn gặp khó khăn trong học tập

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Thước đo góc, mô hình các góc với các số đo 180o;  120o; 90o; 60o.

           Bảng phụ vẽ các góc bài tập 1.

- HS: Thước đo góc

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV Hoạt động của HS** | |
| **Tiết 2** | |
| ***1. Hoạt động mở đầu***  \* Mục tiêu: Tạo không khí vui tươi, hào hứng cho tiết học, dẫn dắt vào bài mới.  \* Cách tiến hành: | |
| - GV cho HS cử động theo vũ điệu Baby Shark Dance  - Để đo độ lớn của góc ta dùng dụng cụ gì?  - Nêu số đo của góc vuông, góc bẹt? Đặc điểm của góc nhọn, góc tù?  GV: Tiết học trước các em đã biết cách sử dụng thước đo góc để đo độ lớn của góc. Tiết học này cô trò mình tiếp tục luyện tập cách sử dụng thước đo góc trong một số tình huống thực tế. | - HS thực hiện  - Thước đo góc  - Số đo của góc vuông là 90o, góc bẹt là 180o. Góc nhọn bé hơn 90o, góc tù lớn hơn 90o và bé hơn 180o |
| ***2. Hoạt động luyện tập thực hành***  \* Mục tiêu: sử dụng được thước đo góc để đo một số góc đơn giản. Đọc được số đo của một góc theo đơn vị đo độ.  \* Cách tiến hành: | |
| **Bài 3.** GV gọi HS đọc yêu cầu.  - YC HS hoạt động nhóm đôi, hoàn thành phiếu bài tập:  + sử dụng mô hình đồng hồ, xoay kim để đồng hồ chỉ 3 giờ, 6 giờ, 9 giờ; xác định góc tạo bởi hai kim giờ và phút.  + Xoay kim đồng hồ để góc tạo bởi hai kim giờ và phút là góc nhọn, góc tù.    - GV nhận xét, tổng kết hoạt động nhóm. | - HS đọc yêu cầu, hoạt động nhóm đôi. TG 5 phút  - Đại diện nhóm nối tiếp chia sẻ kết quả trước lớp kết hợp xoay kim đồng hồ để giải thích cách làm, các nhóm nhận xét, bổ sung.  Kết quả ví dụ:  + Lúc 3 giờ, góc giữa kim giờ và kim phút có số đo bằng 90o, là góc vuông   + Lúc 6 giờ, góc giữa kim giờ và kim phút có số đo bằng 180o, là góc bẹt.  + Lúc 9 giờ, góc giữa kim giờ và kim phút có số đo bằng 90o, là góc vuông  + Những thời điểm mà góc giữa hai kim đồng hồ là góc vuông: 3 giờ; 9 giờ.  + Những thời điểm mà góc giữa hai kim đồng hồ là góc nhọn: 1 giờ; 2 giờ, 10 giờ; 11 giờ  + Những thời điểm mà góc giữa hai kim đồng hồ là góc tù: 4 giờ; 5 giờ, 7 giờ; 8 giờ |
| ***3. Hoạt động vận dụng***  \* Mục tiêu: Liên hệ chỉ ra các hình ảnh trong thực tiễn cuộc sống có liên quan đến sự thay đổi độ lớn của góc.  \* Cách tiến hành: | |
| **Bài 4.** GV gọi HS dọc yêu cầu  - YC Hs làm việc cá nhân thực hành đo góc rồi nêu kết quả đo.  - HD HS liên hệ thực tế:    **\* Củng cố-dặn dò:**  H: Qua tiết học này em biết thêm điều gì?  H: Để đo được độ lớn của góc, em nhắn bạn điều gì?  - Dặn HS về nhà tự tìm thêm các hình ảnh trong thực tiễn cuộc sống có liên quan đến góc và sự thay đổi độ lớn của góc.  - Dặn HS chuẩn bị thước thẳng, ê ke cho bài sau: Hai đường thẳng vuông góc. Vẽ hai đường thẳng vuông góc | - HS thực hành đo góc rồi chia sẻ kết quả trước lớp.  - Lớp nhận xét, bổ sung.  - Liên hệ với một số hình ảnh khác có trong thực tế.  VD:  + Khi cầm bút thì cần đặt bút nghiêng khoảng 45 độ so với mặt giấy. Đây là độ nghiêng vừa phải khiến cổ tay linh hoạt hơn  + Khi tập viết chữ nghiêng, độ nghiêng chuẩn của chữ là 15° về phía bên phải khi viết. Tuyệt đối không cầm bút dựng đứng 90 độ.  + Khi ngồi học, cột sống luôn ở tư thế thẳng đứng, vuông góc với mặt ghế ngồi.  + Độ nghiêng của cầu thang; Độ nghiêng của các con dốc; khi thả diều, độ nghiêng của dây diều so với mặt đất luôn thay đổi, ....  - Biết cách sử dụng thước đo góc; biết đặc điểm độ lớn của góc nhọn, góc vuông, góc tù, góc bẹt.  - Tích cực thực hành sử dụng thước đo góc cho thành thạo.  - Lắng nghe |

**IVĐiều chỉnh sau tiết dạy:**

.........................................................................................................................................

....................................................................................................................................................................................................................................................................................

     -----------------------------------------------------------

ĐỊA LÍ :

**BÀI 4: DÂN CƯ, HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀ MỘT SỐ NÉT VĂN HÓA Ở VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

*Sau bài học này, HS sẽ:*

* Kể được tên một số dân tộc sinh sống ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
* Nhận xét được một cách đơn giản sự phân bố dân cư ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ thông qua lược đồ phân bố dân cư.
* Nêu được một số cách thức khai thác tự nhiên ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
* Mô tả được một số nét văn hóa của các dân tộc ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ (chợ phiên vùng cao, lễ hội Tồng Ngồng, múa Xòe Thái).

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Năng lực giao tiếp hợp tác:* bước đầu sử dụng được ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh, cử chỉ để trình bày thông tin về một số nét văn hoá ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ; thực hiện nhiệm vụ theo nhóm; trao đổi tích cực, có hiệu quả với thầy cô và bạn bè.
* *Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

*Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* khả năng giải quyết các nhiệm vụ học tập độc lập và theo nhóm; tư duy logic, sáng ***Năng lực đặc thù:***

* Năng lực đọc hiểu và tự tìm kiếm được những thông tin về dân cư, hoạt động sản xuất, văn hoá đặc trưng của các dân tộc ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
* Từ những nguồn tư liệu, nêu được nhận xét về đặc điểm, ý nghĩa của các nét văn hoá của các dân tộc ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đối với dân tộc đó nói riêng và đối với đất nước nói chung.
* Khả năng sử dụng được các nguồn tư liệu lịch sử và địa lí để thảo luận về một nét văn hoá ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

tạo khi giải quyết vấn đề.

**3. Phẩm chất**

* *Nhân ái:* Tôn trọng sự da dạng văn hóa của các dân tộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
* *Chăm chỉ:* Tự giác tìm hiểu, khám phá tri thức liên quan đến nội dung bài học.

**II. PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC**

**1. Phương pháp dạy học**

* Vấn đáp, động não, trực quan, hoạt động nhóm, giải quyết vấn đề, lắng nghe tích cực.

**2. Thiết bị dạy học**

**a. Đối với giáo viên**

* Giáo án, SHS, SGV, SBT Lịch sử Địa lí 4.
* Tranh ảnh về một số dân tộc, chợ phiên vùng cao, lễ hội Lồng Tồng, xòe Thái ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
* Video clip về cách khai thác tự nhiên (làm ruộng bậc thang, xây dựng các công trình thủy điện, khai thác khoáng sản) (nếu có).
* Máy tính, máy chiếu (nếu có).

**b. Đối với học sinh**

* SHS, Vở bài tập Vở bài tập Lịch sử Địa lí 4, phần Lịch sử.
* Tranh ảnh sưu tầm và dụng cụ học tập có liên quan đến nội dung bài học.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:**  - Tạo tâm thế tích cực, hứng thú học tập cho HS và kết nối với bài học mới.  - Huy động những hiểu biết của HS về vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.  **b. Cách tiến hành**  - GV yêu cầu HS đọc phần Khởi động (SHS tr.19) và nêu câu hỏi: *Nếu được đi du lịch đến vùng này, em mong muốn được chiêm ngưỡng cảnh vật và nét văn hóa nào nơi đây?*  - GV mời 2 – 3 HS chia sẻ.  - GV dẫn dắt HS vào bài học: ***Bài 4 – Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hóa ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.***  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **\* Dân cư**  **Hoạt động 1: Tìm hiểu về dân cư ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ**  **Hoạt động 2: Tìm hiểu về hoạt động làm ruộng bậc thang**  **Hoạt động 3: Tìm hiểu về hoạt động xây dựng các công trình thủy điện**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS kể được cách thức xây dựng các công trình thủy điện ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.  **b.** **Cách tiến hành**  - GV chia lớp thành các nhóm (4HS/nhóm) và nêu nhiệm vụ: *Đọc thông tin về cách thức xây dựng các công trình thủy điện (SHS tr.21), em hãy cho biết*  *+ Nêu cách khai thác sức nước để sản xuất điện.*  *+ Tìm và chỉ hai nhà máy thủy điện Hòa Bình và Sơn La trên hình 1 (SHS tr.15).*  - GV gợi ý câu 2: *Hai nhà máy thủy điện nằm trên sông Đà.*  - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và kết luận:  *+ Nhà nước và nhân dân đắp đập, ngăn sông tạo thành hồ lớn và dừng sức nước chảy từ trên cao xuống để chạy tua – bin sản xuất điện.*  *+ Nhà máy Thủy điện Hòa Bình và nhà máy Thủy điện Sơn La là hai nhà máy thủy điện lớn hàng đầu của nước ta và khu vực Đông Nam Á.*  - GV mở rộng kiến thức:  + *Nhà máy thủy điện Hòa Bình được xây dựng tại tỉnh Hòa Bình, trên dòng sông Đà, được khánh thành vào năm 1994; có công dụng: phòng chống lũ lụt, phát điện, cung cấp nước tưới tiêu, phục vụ giao thông vận tải.*  *+ Nhà máy thủy điện Sơn La được xây dựng tại tỉnh Sơn La, trên dòng sông Đà, được khánh thành vào năm 2012, là nhà máy thủy điện lớn nhất Việt Nam.*  **Hoạt động 4: Tìm hiểu về hoạt động khai thác khoáng sản**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS kể được cách thức khai thác khoáng sản ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.  **b.** **Cách tiến hành**  - GV chia lớp thành các nhóm (4HS/nhóm) và nêu nhiệm vụ:  *+ Tìm và chỉ vị trí các mỏ: than đá, sắt, đồng, thiếc, a-pa-tit trên hình 1 (SHS tr.15).*  *+ Khai thác khoáng sản ở mỏ lộ thiên khác với khai thác khoáng sản trong hầm lò như thế nào?*  - GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và đưa ra đáp án:  *+ Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là nơi có nhiều loại khoảng sản nhất nước ta, nhiều hơn cả là than, sắt, thiếc, a-pa-tít,…*  *+ Các hình thức khai thác:*   * *Với mỏ lộ thiên: chỉ cần bóc đi lớp đất, đá bên trên là lấy được khoáng sản.* * *Với khai thác khoáng sản trong hầm lò: phải đào hầm lò mới lấy được khoáng sản; rất vất vả và nguy hiểm, cần có biện pháp để bảo đảm an toàn cho công nhân*   **\* CỦNG CỐ**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* DẶN DÒ**  - GV nhắc nhở HS:  + Đọc lại bài học *Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hóa ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.*  + Hoàn thành bài tập phần Vận dụng.  + Đọc trước *Bài 5 – Đền Hùng và lễ giỗ tổ Hùng Vương* (SHS tr.25). | - HS đọc phần khởi động.  - HS chia sẻ.  - HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài học.      - HS thảo luận theo nhóm.    - Đại diện các nhóm trình bày.  - HS lắng nghe, tiếp thu.    - HS thực hành theo nhóm.    - Các nhóm trả lời.  - HS lắng nghe, tiếp thu.    - HS lắng nghe, tiếp thu.    - HS tiếp thu, thực hiện. |

**IV Điều chỉnh sau tiết dạy:**

.........................................................................................................................................

....................................................................................................................................................................................................................................................................................

     -----------------------------------------------------------

**HĐTN TIẾT 3: SINH HOẠT LỚP: BỨC TƯỜNG VINH DANH**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

*Sau tuần học này, HS sẽ:*

* Giới thiệu được đặc điểm, những việc làm đáng tự hào của bản thân.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Năng lực giao tiếp, hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
* *Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

*Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề. ***Năng lực riêng:***

* Cùng chơi *Vòng quay tự hào*.
* Sáng tạo tác phẩm *Niềm tự hào của tôi.*

**3. Phẩm chất**

* *Tự tin, trách nhiệm:* tự tin thể hiện niềm tự hào của bản thân,có ý thức tự giác; tinh thần trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

**II. PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC**

**1. Phương pháp dạy học**

* Hoạt động nhóm, thực hành, trực quan.
* Nêu vấn đề và giải quyết vấn đề.

**2. Thiết bị dạy học**

**a. Đối với giáo viên**

* Giáo án, SGK, VBT Hoạt động trải nghiệm 4.
* Giấy, bút, bút màu,...
* Dụng cụ để thể hiện niềm tự hào của bản thân trên lớp.

**b. Đối với học sinh**

* SGK, VBT Hoạt động trải nghiệm 4.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Hoạt động 1: Hoạt động tổng kết tuần**  **a. Mục tiêu:** Sau khi tham gia hoạt động,HS có khả năng:  - Tổng kết được những việc đã làm được trong tuần vừa qua.  **b. Cách tiến hành**  - GV ổn định trật tự lớp học, tổng kết những hoạt động của tuần 1 và nêu những kế hoạch học tập và hoạt động trong tuần 2.  - GV nhận xét về ý thức học tập của một số bạn trong lớp và tiến hành tuyên dương bạn có ý thức tốt, nhắc nhở bạn có ý thức chưa tốt.  **Hoạt động 2: Bức tường vinh danh.**  **a. Mục tiêu:** Sau khi tham gia hoạt động, HS có khả năng:  - Trưng bày được tác phẩm Niềm tự hào của tôi trên bức tường vinh danh của lớp.  - Hào hứng tham gia hoạt động trưng bày tác phẩm và lựa chọn tác phẩm yêu thích nhất.  **b. Cách tiến hành:**  - GV tổ chức cho HS trưng bày tác phẩm *Niềm tự hào của tôi* trên bức tường vinh danh của lớp.  - GV tổ chức HS đi xem tác phẩm của các bạn và tặng sao hoặc dán sticker cho tác phẩm mình yêu thích nhất.  - GV mời một số HS chia sẻ cảm xúc khi xem các tác phẩm.  - GV kết luận: ***Chúng ta đã thực hiện xong hoạt động sáng tạo tác phẩm Niềm tự hào của tôi. Thông qua hoạt động, các em hãy phát huy những việc làm đáng tự hào của bản thân nhé!***  **Hoạt động 3: Hoạt động tiếp nối**  - GV hướng dẫn HS:  + Giới thiệu tác phẩm Niềm tự hào của tôi với người thân.  + Chia sẻ với người thân về kết quả bước đầu thực hiện phát huy việc làm đáng tự hào của bản thân. **\* CỦNG CỐ**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* DẶN DÒ**  - GV nhắc nhở HS:  + Ôn lại các kiến thức đã học hôm nay. | - HS chú ý lắng nghe  - HS lắng nghe và vỗ tay tuyên dương những bạn có ý thức tốt, động viên những bạn còn kém.    - HS hoạt động theo hướng dẫn của GV.  - HS xem tác phẩm và bình chọn theo hướng dẫn.  - HS nêu cảm nhận.  - HS lắng nghe, tiếp thu.    - HS lắng nghe, thực hiện.  - HS lắng nghe  - HS tiếp thu |

**IV Điều chỉnh sau tiết dạy:**

................................................................................................................................

.................................................................................................................................................................................................................................................................